

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

QUYẾT ĐỊNH TỐT NGHIỆP NĂM 2014

- ĐẠI HỌC: - KHÓA 54, LIÊN THÔNG KHÓA 5, 6
- KHOA KINH TẾ (KHÓA 55)
- CAO ĐẲNG: KHÓA 56
- CÁC KHÓA CŨ LƯU LẠI

Hà Nội, năm 2014

Số: 795/QĐ-MDC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học hệ chính quy;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 1330 sinh viên khóa 54 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật Môi trường, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật điện, điện tử và 373 sinh viên khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán, Quản trị kinh doanh (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LẦN 1 NĂM HỌC 2013-2014
(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-MDC-ĐTDH ngày 30 tháng 8 năm 2014)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1	0921060004	Nguyễn Duy	Anh	Nam	25/06/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.56	Khá	Chính quy	DCCDDT54
2	0921060009	Tô Văn	Chiêu	Nam	28/01/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.83	Khá	Chính quy	DCCDDT54
3	0921060088	Đoàn Thị	Dinh	Nam	29/10/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.85	Khá	Chính quy	DCCDDT54
4	0921060096	Bùi Sĩ	Đức	Nam	26/09/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
5	0921060171	Đinh Thanh	Hai	Nam	30/06/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.57	Khá	Chính quy	DCCDDT54
6	0921060175	Đoàn Thị	Hương	Nam	26/03/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	3.25	Giỏi	Chính quy	DCCDDT54
7	0921060125	Vũ Minh	Tân	Nam	06/04/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.38	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
8	0921060134	Đám Phú	Tiến	Nam	05/09/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.58	Khá	Chính quy	DCCDDT54
9	0921060139	Lưu Bá	Trung	Nam	20/08/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.30	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
10	0821060187	Lê Anh	Tuấn	Nam	19/09/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.70	Khá	Chính quy	DCCDDT54
11	0921060156	Hoàng Xuân	Tùng	Nam	27/12/89	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.23	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
12	0921060079	Phạm Văn	An	Nam	14/12/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
13	0921060007	Nguyễn Văn	Bộ	Nam	12/08/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.36	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
14	0921060160	Đặng Văn	Chức	Nam	15/10/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.51	Khá	Chính quy	DCCDDK54
15	0921060010	Đinh Anh	Dán	Nam	18/03/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.86	Khá	Chính quy	DCCDDK54
16	0921060090	Nông Xuân	Dại	Nam	02/08/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.61	Khá	Chính quy	DCCDDK54
17	0921060013	Trần Văn	Đạo	Nam	05/05/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
18	0921060018	Nguyễn Văn	Đức	Nam	08/08/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCDDK54
19	0921060098	Vũ Đình	Hai	Nam	17/10/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.55	Khá	Chính quy	DCCDDK54
20	0921060021	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	14/04/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.60	Khá	Chính quy	DCCDDK54
21	0921060101	Ngô Thị	Hoa	Nam	20/04/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.43	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
22	0921060173	Trần Văn	Hoàn	Nam	04/04/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.50	Khá	Chính quy	DCCDDK54
23	0921060105	Bùi Quốc	Hưng	Nam	27/01/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.37	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
24	0921060106	Ngô Sách	Khánh	Nam	24/09/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.91	Khá	Chính quy	DCCDDK54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
25	0921060108	Nguyễn Văn	Lân	Nam	29/06/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.15	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
26	0921060110	Dương Văn	Long	Nam	15/05/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.37	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
27	0921060113	Trần Khắc	Lương	Nam	27/09/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.61	Khá	Chính quy	DCCDDK54
28	0921060154	Trần Hữu	Mạnh	Nam	01/03/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.22	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
29	0921060116	Nguyễn Xuân	Nhi	Nam	10/06/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	3.02	Khá	Chính quy	DCCDDK54
30	0921060039	Nguyễn Duyên	Phi	Nam	07/03/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.49	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
31	0921060117	Đỗ Văn	Phong	Nam	21/01/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.13	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
32	0921060194	Dương Nam	Son	Nam	10/01/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCDDK54
33	0921060124	Trần Văn	Tái	Nam	09/09/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.66	Khá	Chính quy	DCCDDK54
34	0921060050	Nguyễn Chiến	Thắng	Nam	16/10/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
35	0821060059	Lê Văn	Triển	Nam	01/01/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.15	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
36	0921060137	Phạm Trí	Trong	Nam	26/12/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.36	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
37	0821060161	Nguyễn Minh	Trung	Nam	25/11/89	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
38	0921060060	Phạm Văn	Trung	Nam	01/05/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.10	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
39	0921060232	Đình Văn	Tuyển	Nam	14/01/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.76	Khá	Chính quy	DCCDDK54
40	0921060224	Hà Văn	Tuyển	Nam	09/03/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.29	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
41	0921060145	Nguyễn Duy	Tuyển	Nam	16/10/91	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.56	Khá	Chính quy	DCCDDK54
42	0921060070	Vũ Quốc	Việt	Nam	20/09/90	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
43	0921060199	Phạm Văn	An	Nam	10/01/89	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.55	Khá	Chính quy	DCCDMT54
44	0921060081	Mai Tuấn	Anh	Nam	10/09/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.78	Khá	Chính quy	DCCDMT54
45	0921060082	Nguyễn Mạnh	Anh	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.52	Khá	Chính quy	DCCDMT54
46	0921060073	Lê Khánh Quốc	Báo	Nam	20/06/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.63	Khá	Chính quy	DCCDMT54
47	0921060074	Phạm Duy	Bình	Nam	20/03/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.13	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
48	0921060085	Bùi An	Cảnh	Nam	11/02/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.22	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
49	0921060087	Vũ Đức	Cường	Nam	12/07/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.56	Khá	Chính quy	DCCDMT54
50	0921060089	Nguyễn Văn	Duyệt	Nam	01/01/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54

102

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
51	0921060168	Hoàng Thế	Diệp	Nam	23/01/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
52	0921060015	Nguyễn Văn	Đoan	Nam	16/12/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.17	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
53	0921060023	Nguyễn Văn	Hiển	Nam	11/10/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
54	0921060099	Phạm Ngọc	Hiển	Nam	29/01/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.54	Khá	Chính quy	DCCDMT54
55	0921060225	Hoàng Quang	Hiếu	Nam	09/03/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.62	Khá	Chính quy	DCCDMT54
56	0921060076	Trịnh Mạnh	Hùng	Nam	24/05/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.52	Khá	Chính quy	DCCDMT54
57	0921060034	Hà Văn	Luân	Nam	02/10/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.53	Khá	Chính quy	DCCDMT54
58	0921060112	Bùi Anh	Luyến	Nam	10/01/92	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.68	Khá	Chính quy	DCCDMT54
59	0921060114	Trần Hữu	Minh	Nam	17/05/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
60	0921060037	Nguyễn Văn	Nam	Nam	05/01/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.16	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
61	0921060049	Lê Quang	Thành	Nam	17/12/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.60	Khá	Chính quy	DCCDMT54
62	0921060052	Trần Thế	Thiệt	Nam	07/10/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.90	Khá	Chính quy	DCCDMT54
63	0821060056	Phạm Đức	Thịnh	Nam	20/02/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.48	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
64	0921060132	Nguyễn Văn	Thuần	Nam	21/04/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.79	Khá	Chính quy	DCCDMT54
65	0921060056	Phạm Văn	Thương	Nam	05/08/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.62	Khá	Chính quy	DCCDMT54
66	0921060057	Trần Văn	Tiến	Nam	28/10/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.61	Khá	Chính quy	DCCDMT54
67	0921060196	Nguyễn Chi	Tinh	Nam	23/03/90	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
68	0921060138	Bùi Thành	Trung	Nam	29/08/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
69	0921060065	Lưu Minh	Tuân	Nam	18/03/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
70	0921060067	Nguyễn Thọ	Tuế	Nam	26/09/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.38	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
71	0921060068	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	27/11/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.63	Khá	Chính quy	DCCDMT54
72	0921060223	Nguyễn Trọng	Tuyền	Nam	17/03/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.31	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
73	0921060148	Vũ Văn	Việt	Nam	01/02/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.32	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
74	0921060072	Nguyễn Văn	Xuân	Nam	01/12/91	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.65	Khá	Chính quy	DCCDMT54
75	0921060001	Phạm Viết	An	Nam	29/04/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.83	Khá	Chính quy	DCCDTĐ54
76	0921060092	Trần Văn	Diệp	Nam	13/08/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.29	Trung bình	Chính quy	DCCDTĐ54

10/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
77	0921060094	Vũ Văn	Đông	Nam	04/10/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.20	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
78	0921060228	Vương Huy	Hoàng	Nam	03/09/90	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.74	Khá	Chính quy	DCCD TD54
79	0921060193	Nguyễn Văn	Huân	Nam	16/06/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.89	Khá	Chính quy	DCCD TD54
80	0921060029	Đinh Trung	Kiến	Nam	22/12/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
81	0921060218	Nguyễn Hồng	Kiến	Nam	22/08/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.65	Khá	Chính quy	DCCD TD54
82	0921060234	Phạm Trung	Lâm	Nam	14/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.86	Khá	Chính quy	DCCD TD54
83	0921060192	Đỗ Duy	Linh	Nam	15/02/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.42	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
84	0921060227	Đỗ Văn	Long	Nam	24/11/90	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.77	Khá	Chính quy	DCCD TD54
85	0921060231	Lưu Tuấn	Nghĩa	Nam	10/01/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.00	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
86	0921060226	Nguyễn Minh	Quý	Nam	03/02/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.55	Khá	Chính quy	DCCD TD54
87	0921060188	Biển Văn	Tân	Nam	29/08/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.32	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
88	0921060230	Nguyễn Đức	Thăng	Nam	14/06/90	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.84	Khá	Chính quy	DCCD TD54
89	0921050159	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	30/12/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.30	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
90	0921060058	Trần Văn	Toàn	Nam	05/12/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.09	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
91	0921060239	Trần Xuân	Trưởng	Nam	25/03/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.49	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
92	0921060141	Bùi Thanh	Tuân	Nam	13/12/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.83	Khá	Chính quy	DCCD TD54
93	0921060147	Đỗ Đình	Văn	Nam	20/11/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.75	Khá	Chính quy	DCCD TD54
94	0751011051	Hoàng Văn	Biển	Nam	27/07/89	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.49	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
95	0920000056	Nguyễn Công	Dũng	Nam	17/12/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.51	Khá	Chính quy	DCCD TD54
96	0921060075	Cao Quang	Hiệu	Nam	20/03/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCD TD54
97	0921060024	Đỗ Trọng	Hòa	Nam	14/06/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.21	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
98	0920000223	Nguyễn Đức	Hùng	Nam	30/04/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.83	Khá	Chính quy	DCCD TD54
99	0921060163	Trần Văn	Hùng	Nam	10/11/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.64	Khá	Chính quy	DCCD TD54
100	0921060103	Nguyễn Thị	Huyền	Nam	02/10/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.95	Khá	Chính quy	DCCD TD54
101	0921060028	Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	07/06/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.38	Trung bình	Chính quy	DCCD TD54
102	0921060109	Vũ Thế	Lăng	Nam	19/08/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.58	Khá	Chính quy	DCCD TD54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
103	0921060030	Phạm Văn	Lâm	Nam	03/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.17	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
104	0921060177	Phạm Hữu	Linh	Nam	07/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.18	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
105	0921060178	Phạm Văn	Linh	Nam	17/11/90	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.42	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
106	0921060220	Mai Đình	Long	Nam	26/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
107	0921060033	Nguyễn Văn	Luân	Nam	23/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCDTD54
108	0921060111	Vũ Văn	Luân	Nam	07/08/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.90	Khá	Chính quy	DCCDTD54
109	0921060182	Lê Thanh	Nam	Nam	13/01/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.46	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
110	0921060118	Vũ Văn	Phúc	Nam	08/11/89	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.79	Khá	Chính quy	DCCDTD54
111	0921060120	Trình Văn	Quyết	Nam	14/10/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.67	Khá	Chính quy	DCCDTD54
112	0921060045	Vũ Văn	Sáng	Nam	06/05/89	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.18	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
113	0921060047	Nguyễn Văn	Tài	Nam	15/01/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	3.03	Khá	Chính quy	DCCDTD54
114	0921060046	Nguyễn Thanh	Tao	Nam	28/06/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.92	Khá	Chính quy	DCCDTD54
115	0921060127	Nguyễn Tất	Thạch	Nam	22/06/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCDTD54
116	0921060054	Lê Văn	Thông	Nam	15/05/86	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.94	Khá	Chính quy	DCCDTD54
117	0921060136	Vũ Xuân	Tôn	Nam	31/01/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.33	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
118	0921060062	Nguyễn Hữu	Trụ	Nam	04/07/91	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCDTD54
119	0921060064	Phạm Mạnh	Tuân	Nam	06/08/90	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.83	Khá	Chính quy	DCCDTD54
120	0921050010	Đỗ Trần	Dũng	Nam	26/02/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.30	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
121	0921050200	Trương Hữu	Hà	Nam	24/11/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.52	Khá	Chính quy	DCCTPM54
122	0921050110	Phạm Duy	Hoàn	Nam	27/09/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	3.21	Giỏi	Chính quy	DCCTPM54
123	0921050212	Lê Thu	Huyền	Nam	18/04/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	3.01	Khá	Chính quy	DCCTPM54
124	0921050032	Nguyễn Ngọc	Kiến	Nam	22/02/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.12	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
125	0921050120	Ngô Thị	Liên	Nam	05/03/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.79	Khá	Chính quy	DCCTPM54
126	0921050125	Phạm Minh	Luân	Nam	19/12/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
127	0921050131	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	26/04/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.97	Khá	Chính quy	DCCTPM54
128	0921050275	Phạm Thị	Ngân	Nam	30/08/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.81	Khá	Chính quy	DCCTPM54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
129	0921050188	Hà Ngọc	Quế	Nam	30/05/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.98	Khá	Chính quy	DCCTPM54
130	0921050288	Lý Xuân	Sang	Nam	04/02/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	3.09	Khá	Chính quy	DCCTPM54
131	0921050060	Kim Thị	Tâm	Nam	09/01/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.69	Khá	Chính quy	DCCTPM54
132	0921050065	Vũ Thị	Thắm	Nam	01/09/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	3.29	Giỏi	Chính quy	DCCTPM54
133	0921050240	Đỗ Đức	Thiện	Nam	28/01/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.36	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
134	0921050235	Mai Thị Hải	Thùy	Nam	01/11/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.77	Khá	Chính quy	DCCTPM54
135	0921050224	Nguyễn Thị	Thùy	Nam	04/08/90	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.89	Khá	Chính quy	DCCTPM54
136	0921050160	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	11/09/91	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.17	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
137	0921050078	Đặng Minh	Tuấn	Nam	18/07/90	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.65	Khá	Chính quy	DCCTPM54
138	0921050085	Nguyễn Thị	Yến	Nam	03/10/90	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.59	Khá	Chính quy	DCCTPM54
139	0921050003	Vũ Quốc	Anh	Nam	24/01/90	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.27	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
140	0921050258	Dương Thị	Dung	Nam	20/11/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.98	Khá	Chính quy	DCCTMM54
141	0921050097	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	27/07/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.32	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
142	0921050021	Trần Đình	Hiệp	Nam	08/03/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
143	0921050210	Nguyễn Đức	Linh	Nam	31/10/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.62	Khá	Chính quy	DCCTMM54
144	0921050042	Hoàng Hải	Nam	Nam	12/11/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.66	Khá	Chính quy	DCCTMM54
145	0921050133	Lê Trung	Nghĩa	Nam	14/03/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.44	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
146	0921050049	Lương Thị	Nhung	Nam	04/10/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.27	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
147	0921050233	Từ Thị	Nhung	Nam	16/11/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	3.02	Khá	Chính quy	DCCTMM54
148	0921050138	Đỗ Đức	Quang	Nam	01/05/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.53	Khá	Chính quy	DCCTMM54
149	0921050067	Nguyễn Tài	Thùy	Nam	22/05/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.97	Khá	Chính quy	DCCTMM54
150	0921050227	Nguyễn Việt	Tiến	Nam	16/09/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	3.05	Khá	Chính quy	DCCTMM54
151	0921050071	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	11/01/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.90	Khá	Chính quy	DCCTMM54
152	0921050301	Đổng Thị	Trang	Nam	26/02/90	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.98	Khá	Chính quy	DCCTMM54
153	0921050080	Phùng Văn	Vàng	Nam	26/12/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.30	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
154	0921050167	Đặng Duy	Vinh	Nam	21/06/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.15	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54

22

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
155	0921050083	Trần Tuấn	Vũ	Nam	17/08/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.92	Khá	Chính quy	DCCTMM54
156	0921050169	Phạm Thị	Xuyến	Nam	10/08/91	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	3.01	Khá	Chính quy	DCCTMM54
157	0921050031	Nhữ Quang	Kiên	Nam	26/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.53	Khá	Chính quy	DCCTDC54
158	0921050128	Trần Văn	Múi	Nam	10/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.20	Trung bình	Chính quy	DCCTDC54
159	0921050220	Trần Hồng	Quân	Nam	19/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	3.17	Khá	Chính quy	DCCTDC54
160	0921050054	Nguyễn Đức	Quyển	Nam	20/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.87	Khá	Chính quy	DCCTDC54
161	0921050151	Phạm Minh	Thành	Nam	20/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.68	Khá	Chính quy	DCCTDC54
162	0921050064	Đương Thị	Thảo	Nam	04/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.86	Khá	Chính quy	DCCTDC54
163	0921050070	Trần Văn	Tiền	Nam	15/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.43	Trung bình	Chính quy	DCCTDC54
164	0921050069	Hà Văn	Triển	Nam	15/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.46	Trung bình	Chính quy	DCCTDC54
165	0921050075	Nguyễn Xuân	Trương	Nam	21/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	2.22	Trung bình	Chính quy	DCCTDC54
166	0921050263	Nguyễn Thị	Chi	Nam	05/06/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.95	Khá	Chính quy	DCCTMO54
167	0921050012	Lê Văn	Định	Nam	01/01/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.76	Khá	Chính quy	DCCTMO54
168	0921050112	Đỗ Xuân	Huân	Nam	28/12/89	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.50	Khá	Chính quy	DCCTMO54
169	0921050027	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	26/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.57	Khá	Chính quy	DCCTMO54
170	0921050026	Trương Đình	Huy	Nam	01/05/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	3.05	Khá	Chính quy	DCCTMO54
171	0921050118	Cao Đình	Khôi	Nam	02/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	3.07	Khá	Chính quy	DCCTMO54
172	0921050122	Vũ Văn	Lịch	Nam	04/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.69	Khá	Chính quy	DCCTMO54
173	0921050284	Ngô Văn	Long	Nam	21/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.83	Khá	Chính quy	DCCTMO54
174	0921050130	Trần Hoài	Nam	Nam	02/06/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.31	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
175	0921050293	Đặng Kiều	Nga	Nam	03/07/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.78	Khá	Chính quy	DCCTMO54
176	0921050136	Trương Thị	Nhung	Nam	12/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	3.24	Giỏi	Chính quy	DCCTMO54
177	0921050141	Nguyễn Tri	Quốc	Nam	12/02/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.36	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
178	0921050143	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	Nam	14/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.88	Khá	Chính quy	DCCTMO54
179	0921050056	Nguyễn Văn	Sáng	Nam	15/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.94	Khá	Chính quy	DCCTMO54
180	0921050146	Nguyễn Hồng	Son	Nam	19/04/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.62	Khá	Chính quy	DCCTMO54

10/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
181	0921050145	Vũ Văn	Sơn	Nam	02/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.25	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
182	0921050150	Nguyễn Văn	Thành	Nam	03/11/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	3.24	Giỏi	Chính quy	DCCTMO54
183	0921050153	Nguyễn Văn	Thế	Nam	11/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.46	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
184	0821050264	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	19/10/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.26	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
185	0921050163	Trần Văn	Tuấn	Nam	13/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.17	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
186	0921050297	Dương Quốc	Việt	Nam	26/03/90	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.18	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
187	0921050166	Vũ Đức	Vinh	Nam	16/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
188	0921050168	Hoàng Tuấn	Vũ	Nam	06/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.68	Khá	Chính quy	DCCTMO54
189	0921050175	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	07/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.91	Khá	Chính quy	DCCTKT54
190	0921050202	Đoàn Thị Thủy	Dung	Nam	04/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	3.15	Khá	Chính quy	DCCTKT54
191	0921050008	Đỗ Thùy	Dung	Nam	06/07/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	3.04	Khá	Chính quy	DCCTKT54
192	0921050096	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nam	11/08/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.83	Khá	Chính quy	DCCTKT54
193	0921050277	Đoàn Đức	Dũng	Nam	26/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
194	0921050099	Đỗ Tiến	Đạt	Nam	02/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.65	Khá	Chính quy	DCCTKT54
195	0921050016	Dương Hải	Giang	Nam	14/01/92	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
196	0921050020	Mai Thị	Hậu	Nam	21/12/90	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.81	Khá	Chính quy	DCCTKT54
197	0921050229	Đỗ Trung	Hiếu	Nam	27/06/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.68	Khá	Chính quy	DCCTKT54
198	0921050253	Lê Thị	Hồng	Nam	12/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.98	Khá	Chính quy	DCCTKT54
199	0921050196	Nguyễn Minh	Huệ	Nam	30/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	3.19	Khá	Chính quy	DCCTKT54
200	0921050209	Phạm Công	Khiên	Nam	23/09/90	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	3.12	Khá	Chính quy	DCCTKT54
201	0921050034	Hoàng Trọng	Linh	Nam	07/09/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
202	0921050035	Nguyễn Thanh	Loan	Nam	09/11/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.97	Khá	Chính quy	DCCTKT54
203	0921050221	Mai Huy	Nam	Nam	27/07/90	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.18	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
204	0921050052	Nguyễn Văn	Quân	Nam	15/11/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	3.04	Khá	Chính quy	DCCTKT54
205	0921050055	Vũ Ngọc	Quý	Nam	26/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.51	Khá	Chính quy	DCCTKT54
206	0921050238	Nguyễn Thị	Thao	Nam	29/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.86	Khá	Chính quy	DCCTKT54

20/11/2021

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
207	0921050308	Đinh Thị	Thủy	Nam	25/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.57	Khá	Chính quy	DCCTKT54
208	0921050302	Nguyễn Văn	Trung	Nam	14/09/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.59	Khá	Chính quy	DCCTKT54
209	0921050259	Lê Thị Minh	Tuyến	Nam	15/08/91	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.63	Khá	Chính quy	DCCTKT54
210	0921050170	Lê Thị Hải	Yến	Nam	29/12/90	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.83	Khá	Chính quy	DCCTKT54
211	0921050239	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nam	18/01/90	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	2.81	Khá	Chính quy	DCCTKT54
212	0921050089	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	14/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.73	Khá	Chính quy	DCCTTD54
213	0921050098	Nguyễn Huy	Dung	Nam	16/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
214	0921050103	Đào Công	Đức	Nam	28/06/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.71	Khá	Chính quy	DCCTTD54
215	0921050105	Hồ Sỹ	Hà	Nam	14/09/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.54	Khá	Chính quy	DCCTTD54
216	0921050017	Nguyễn Thanh	Hà	Nam	11/07/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	3.22	Khá	Chính quy	DCCTTD54
217	0921050270	Bùi Hồng	Hải	Nam	30/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.80	Khá	Chính quy	DCCTTD54
218	0921050104	Phạm Đức	Hành	Nam	22/07/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.65	Khá	Chính quy	DCCTTD54
219	0921050107	Nguyễn Thị Mỹ	Hành	Nam	23/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.83	Khá	Chính quy	DCCTTD54
220	0921050272	Trần Thị	Hoa	Nam	04/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	3.03	Khá	Chính quy	DCCTTD54
221	0921050114	Đỗ Thị	Huyền	Nam	20/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	3.02	Khá	Chính quy	DCCTTD54
222	0921050279	Hoàng Văn	Kiến	Nam	20/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.44	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
223	0921050283	Nguyễn Đình	Lâm	Nam	26/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.33	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
224	0921050033	Mai Phương	Liên	Nam	13/09/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	3.04	Khá	Chính quy	DCCTTD54
225	0921050289	Nguyễn Thị	Linh	Nam	10/02/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.76	Khá	Chính quy	DCCTTD54
226	0921050037	Nguyễn Thanh	Luân	Nam	14/08/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.81	Khá	Chính quy	DCCTTD54
227	0921050232	Trần Ngọc	Luân	Nam	18/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.43	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
228	0921050040	Đào Thị	Minh	Nam	04/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.67	Khá	Chính quy	DCCTTD54
229	0921050041	Vũ Thị	Mỹ	Nam	19/02/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.84	Khá	Chính quy	DCCTTD54
230	0921050134	Trần Anh	Ngọc	Nam	15/01/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
231	0921050185	Nguyễn Thanh	Nhà	Nam	07/10/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.26	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
232	0921050182	Nguyễn Thị	Nhâm	Nam	01/05/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.74	Khá	Chính quy	DCCTTD54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
233	0921050291	Kim Thị	Ninh	Nam	29/06/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.20	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
234	0921050257	Vũ Quang	Quân	Nam	25/05/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.37	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
235	0921050287	Vũ Văn	Quỳnh	Nam	25/09/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.92	Khá	Chính quy	DCCTTD54
236	0921050057	Đoàn Thái	Sơn	Nam	26/03/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.58	Khá	Chính quy	DCCTTD54
237	0921060214	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	14/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.50	Khá	Chính quy	DCCTTD54
238	0921050148	Lê Thị	Tân	Nam	30/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.96	Khá	Chính quy	DCCTTD54
239	0921050149	Phạm Tất	Thành	Nam	30/11/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.90	Khá	Chính quy	DCCTTD54
240	0921050152	Phạm Hữu	Thanh	Nam	11/12/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.51	Khá	Chính quy	DCCTTD54
241	0921050068	Lục Đức	Thụ	Nam	15/01/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.52	Khá	Chính quy	DCCTTD54
242	0921050307	Mai Thị	Thủy	Nam	20/04/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.99	Khá	Chính quy	DCCTTD54
243	0921050157	Dương Văn	Tiến	Nam	08/06/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.56	Khá	Chính quy	DCCTTD54
244	0921050077	Tạ Ngọc	Tuân	Nam	16/08/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	3.11	Khá	Chính quy	DCCTTD54
245	0921050174	Dương Hữu	Tuyển	Nam	23/09/89	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.55	Khá	Chính quy	DCCTTD54
246	0921050292	Nguyễn Thị	Vân	Nam	24/04/91	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.75	Khá	Chính quy	DCCTTD54
247	0921050303	Đỗ Hùng	Viết	Nam	03/09/90	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
248	0921020178	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	11/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
249	0921020206	Vũ Anh	Đạo	Nam	24/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.84	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
250	0921020210	Chu Văn	Đoàn	Nam	09/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.88	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
251	0921020049	Đinh Xuân	Hà	Nam	24/04/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.50	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
252	0921020223	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	26/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.75	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
253	0921020230	Trần Thị	Hiển	Nam	07/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	3.37	Giỏi	Chính quy	DCDCDC_54A
254	0921020227	Là Văn	Hiếu	Nam	28/07/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.27	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
255	0921020236	Trịnh Văn	Huân	Nam	22/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.50	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
256	0921020072	Phạm Thanh	Hùng	Nam	10/10/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.76	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
257	0921020439	Nguyễn Trọng	Khương	Nam	24/12/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
258	0921020086	Nguyễn Quốc	Linh	Nam	14/05/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.28	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
259	0921020259	Nguyễn Văn	Long	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.60	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
260	0921020089	Đặng Công	Luân	Nam	06/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.60	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
261	0921020400	Tô Văn	Mười	Nam	14/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.71	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
262	0921020269	Đỗ Dương	Năng	Nam	16/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
263	0921020395	Ngô Trường	Ninh	Nam	18/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.59	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
264	0921020288	Đào Tiến	Son	Nam	01/04/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.56	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
265	0821020134	Phạm Thị Hồng	Son	Nữ	21/10/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.60	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
266	0921020296	Vũ Văn	Thạch	Nam	03/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
267	0921020431	Lê Đức	Thọ	Nam	05/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.48	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
268	0921020130	Trần Thị Thanh	Thủy	Nam	08/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.79	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
269	0921020311	Giang Thị	Trà	Nam	25/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.91	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
270	0921020320	Nguyễn Văn	Tuỳnh	Nam	19/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.67	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
271	0921020331	Nguyễn Vĩnh	Yên	Nam	04/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.86	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
272	0921020185	Nguyễn Văn	Bình	Nam	05/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.71	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
273	0921020017	Nguyễn Văn	Chúc	Nam	16/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.58	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
274	0921020195	Nguyễn Đức	Duy	Nam	04/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.79	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
275	0921020197	Phạm Văn	Duy	Nam	26/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.50	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
276	0921020203	Phạm Văn	Dương	Nam	05/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.73	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
277	0921020038	Nguyễn Thế	Định	Nam	20/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
278	0921020039	Trần Văn	Đồng	Nam	14/11/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.44	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
279	0921020218	Nguyễn Văn	Giang	Nam	02/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.81	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
280	0921020064	Đoàn Thị Thủy	Hòa	Nam	16/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	3.06	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
281	0921020234	Tổng Huy	Hoàng	Nam	08/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
282	0921020240	Nguyễn Văn	Huy	Nam	25/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.64	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
283	0921020247	Nguyễn Tuấn	Hưng	Nam	24/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	3.01	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
284	0921020370	Lê Thị	Hương	Nam	24/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.84	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
285	0821020059	Nguyễn Danh	Linh	Nam	18/09/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.65	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
286	0921020258	Trần Đức	Long	Nam	23/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.57	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
287	0921020090	Giang A	Luyến	Nam	03/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.45	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
288	0921020091	Trần Thế	Lục	Nam	28/10/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.54	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
289	0921020423	Trần Thị	Múi	Nam	23/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.95	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
290	0821020165	Lưu Văn	Nghiệp	Nam	21/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.46	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
291	0921020107	Nguyễn Tiến	Phú	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
292	0921020118	Dương Gia	Tâm	Nam	25/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.69	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
293	0921020297	Ngô Quyết	Thắng	Nam	28/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
294	0921020300	Vũ Văn	Thuận	Nam	24/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.97	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
295	0921020134	Trần Xuân	Tinh	Nam	17/09/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.35	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
296	0921020140	Nguyễn Mạnh	Tri	Nam	21/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.61	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
297	0921020317	Ngô Văn	Tuấn	Nam	07/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.56	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
298	0921020315	Tạ Xuân	Tuấn	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.29	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
299	0921020316	Vũ Hồng	Tuấn	Nam	20/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.64	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
300	0921020319	Nguyễn Quang	Tuyển	Nam	20/06/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.73	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
301	0921020376	Vũ Văn	Tuyển	Nam	20/10/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.52	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
302	0921020330	Trần Đăng	Xuân	Nam	05/09/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.51	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
303	0921020007	Phạm Văn	Anh	Nam	26/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
304	0921020348	Nguyễn Bá	Chú	Nam	21/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.57	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
305	0921020192	Đặng Văn	Diễn	Nam	18/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.04	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
306	0921020209	Phạm Minh	Đăng	Nam	21/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.39	Giỏi	Chính quy	DCDCCT54A
307	0921020040	Nguyễn Anh	Đức	Nam	20/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.34	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
308	0921020058	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	02/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
309	0921020052	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	05/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.28	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
310	0921020061	Nguyễn	Hoàng	Nam	17/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.22	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A

12

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
311	0921020402	Hồ Đức	Lam	Nam	04/04/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.05	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
312	0921020270	Phạm Xuân	Ngà	Nam	28/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.34	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
313	0921020108	Dương Văn	Phúc	Nam	25/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.12	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
314	0921020421	Cù Thị	Phượng	Nam	07/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.25	Giỏi	Chính quy	DCDCCCT54A
315	0921020282	Nguyễn Văn	Quân	Nam	02/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
316	0921020383	Nguyễn Văn	Son	Nam	21/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.11	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
317	0921020308	Phạm Văn	Toàn	Nam	11/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.29	Giỏi	Chính quy	DCDCCCT54A
318	0921020360	Phạm Văn	Tú	Nam	21/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.95	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
319	0921020171	Cao Tiến	Tuân	Nam	08/07/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.77	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
320	0921020323	Phùng Văn	Tường	Nam	26/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.75	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
321	0921020411	Nguyễn Mạnh	Việt	Nam	23/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.03	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
322	0921020329	Nguyễn Văn	Vương	Nam	28/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.83	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
323	0921020008	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	03/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.66	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
324	0921020011	Trương Quốc	Bảo	Nam	29/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.73	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
325	0921020014	Phạm Ngọc	Bun	Nam	09/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.13	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
326	0921020352	Lê Đức	Cường	Nam	08/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.75	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
327	0921020201	Đặng Quang	Dũng	Nam	24/03/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.62	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
328	0921020028	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	04/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
329	0921020035	Nguyễn Đình	Đạt	Nam	09/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.62	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
330	0921020361	Phạm Công	Đạt	Nam	13/08/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.06	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
331	0921020208	Phạm Xuân	Đạt	Nam	26/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.46	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
332	0921020213	Dương Công	Đức	Nam	05/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.63	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
333	0921020050	Trần Bá	Hạnh	Nam	19/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.58	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
334	0921020224	Bùi Trung	Hiếu	Nam	11/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.21	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
335	0921020231	Nguyễn Văn	Hóa	Nam	19/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.55	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
336	0921020232	Nguyễn Phú	Hoàn	Nam	09/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
337	0921050025	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	11/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
338	0921020373	Phạm Quang	Huy	Nam	14/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.52	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
339	0921020242	Nguyễn Thanh	Huyền	Nam	08/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.96	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
340	0921020077	Ngô Doãn	Khá	Nam	22/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.86	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
341	0921020251	Nguyễn Văn	Khánh	Nam	17/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.67	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
342	0921020254	Đặng Văn	Lâm	Nam	24/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.60	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
343	0921020422	Ngô Thị Thanh	Loan	Nam	21/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.86	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
344	0921020273	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	05/07/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.26	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
345	0921020102	Trương Văn	Ngọc	Nam	20/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.21	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
346	0921020440	Hoàng Ngọc	Quê	Nam	08/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
347	0821020269	Phạm Văn	Son	Nam	20/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
348	0921020121	Trần Công	Tăng	Nam	13/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.20	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
349	0921020132	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	14/10/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.58	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
350	0921020303	Trịnh Hữu	Tiến	Nam	02/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.61	Khá	Chính quy	DCDCCCT54B
351	0921060069	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	09/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.18	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54B
352	0921020374	Lê Thị	Hòa	Nam	03/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.85	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
353	0921020424	Nguyễn Bình	Hòa	Nam	22/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.13	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
354	0921020166	Nguyễn Văn	Hoan	Nam	03/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
355	0921020068	Bùi Duy	Huy	Nam	20/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.56	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
356	0921020388	Lê	Hưng	Nam	07/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.21	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
357	0921020075	Nguyễn Minh	Hưng	Nam	30/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
358	0921020098	Nguyễn Thị	Nga	Nam	02/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.94	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
359	0921020371	Phạm Thị	Nhung	Nam	28/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.33	Giỏi	Chính quy	DCDCCCT54A
360	0921020442	Hoàng Tuấn	Phương	Nam	08/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.22	Trung bình	Chính quy	DCDCCCT54A
361	0921020111	Hoàng Văn	Quân	Nam	03/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.70	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A
362	0921020304	Phạm Tùng	Triển	Nam	06/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.70	Khá	Chính quy	DCDCCCT54A

11/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
363	0921020142	Đoàn Xuân	Trường	Nam	06/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.80	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
364	0921020417	Đậu Anh	Tuấn	Nam	27/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.64	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
365	0921020418	Nguyễn Văn	Vị	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.56	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
366	0921020191	Nguyễn Chí	Cường	Nam	02/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.26	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
367	0921020406	Hà Văn	Lương	Nam	01/11/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.56	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
368	0921020097	Hoàng Văn	Nam	Nam	21/07/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
369	0921020382	Phạm Văn	Quy	Nam	25/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.21	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
370	0921020285	Ngô Văn	Quyển	Nam	24/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.92	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
371	0921020385	Nguyễn Huy	Thành	Nam	11/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.71	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
372	0921020301	Hoàng Văn	Thuật	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
373	0921020133	Trần Văn	Tiến	Nam	02/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.57	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
374	0921020342	Nguyễn Trọng	Trường	Nam	21/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.85	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
375	0921020359	Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	23/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
376	0921020013	Hoàng Văn	Bình	Nam	28/07/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.34	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
377	0921020184	Lưu Thế	Bình	Nam	13/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
378	0921020018	Phạm Đức	Cương	Nam	22/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.34	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
379	0921020029	Nguyễn Anh	Dũng	Nam	17/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.23	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
380	0921020030	Nguyễn Duy	Dũng	Nam	15/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.07	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
381	0921020405	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	Nam	18/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	3.00	Khá	Chính quy	DCDCTV54
382	0921020202	Nguyễn Lê	Dương	Nam	25/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.17	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
383	0921020404	Nguyễn Văn	Đình	Nam	20/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.52	Khá	Chính quy	DCDCTV54
384	0921020041	Hà Dương	Đức	Nam	03/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.57	Khá	Chính quy	DCDCTV54
385	0921020043	Nguyễn Nghĩa	Đức	Nam	17/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
386	0921020047	Trần Khắc	Giáp	Nam	01/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.52	Khá	Chính quy	DCDCTV54
387	0921020220	Đào Mạnh	Hà	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
388	0921020054	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.77	Khá	Chính quy	DCDCTV54

112

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
389	0921020060	Vũ Văn	Hòa	Nam	10/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.62	Khá	Chính quy	DCDCTV54
390	0921020338	Bùi Sỹ	Hoàng	Nam	17/10/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.88	Khá	Chính quy	DCDCTV54
391	0921020253	Hoàng	Kiên	Nam	04/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.23	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
392	0921020260	Phạm Đức	Lộc	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
393	0921020268	Ninh Văn	Nam	Nam	14/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.87	Khá	Chính quy	DCDCTV54
394	0921020100	Khương Thị	Ngân	Nam	25/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	3.21	Giỏi	Chính quy	DCDCTV54
395	0921020272	Nguyễn Thị	Ngân	Nam	18/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.70	Khá	Chính quy	DCDCTV54
396	0921020103	Nguyễn Văn	Nguyễn	Nam	10/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.58	Khá	Chính quy	DCDCTV54
397	0921020104	Lê Thị	Nhân	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	3.03	Khá	Chính quy	DCDCTV54
398	0921020275	Tổng Thị	Nhân	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.78	Khá	Chính quy	DCDCTV54
399	0921020280	Bùi Thế	Quang	Nam	13/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.44	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
400	0921020170	Đặng Hữu	Sáng	Nam	07/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.20	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
401	0921020289	Hàn Trọng	Tài	Nam	10/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.36	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
402	0921020292	Vũ Tiên	Tăng	Nam	10/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.59	Khá	Chính quy	DCDCTV54
403	0921020298	Nguyễn Phan	Thiệt	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.82	Khá	Chính quy	DCDCTV54
404	0921020128	Nguyễn Thị	Thơ	Nam	28/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.79	Khá	Chính quy	DCDCTV54
405	0921020305	Hoàng Văn	Tiếp	Nam	13/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.90	Khá	Chính quy	DCDCTV54
406	0921020306	Trần Văn	Tinh	Nam	29/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
407	0921020136	Đoàn Văn	Toàn	Nam	22/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.54	Khá	Chính quy	DCDCTV54
408	0921020149	Bach Văn	Tú	Nam	02/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.52	Khá	Chính quy	DCDCTV54
409	0921020343	Thái Khắc	Việt	Nam	10/10/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.35	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
410	0921020161	Đặng Thái	Bồng	Nam	20/12/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.24	Trung bình	Chính quy	DCDCDS54
411	0921020186	Hoàng	Cầm	Nam	18/10/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.61	Khá	Chính quy	DCDCDS54
412	0921020187	Nguyễn Tuyết	Chinh	Nam	21/09/90	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.97	Khá	Chính quy	DCDCDS54
413	0921020162	Nguyễn Thị Thanh	Chương	Nam	15/06/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	3.08	Khá	Chính quy	DCDCDS54
414	0921020022	Nguyễn Thị	Dung	Nam	12/02/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.98	Khá	Chính quy	DCDCDS54

102

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
415	0921020410	Đào Trọng	Đức	Nam	24/05/90	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.99	Khá	Chính quy	DCDCDS4
416	0921020401	Nguyễn Kim Anh	Hiền	Nam	25/04/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	3.26	Giỏi	Chính quy	DCDCDS4
417	0921020225	Bé Xuân	Hiếu	Nam	07/04/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.67	Khá	Chính quy	DCDCDS4
418	0921020228	Hoàng Văn	Hiếu	Nam	20/08/87	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDCDS4
419	0921020053	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	25/10/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.54	Khá	Chính quy	DCDCDS4
420	0921020167	Trần Ngọc	Hoàng	Nam	26/12/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.66	Khá	Chính quy	DCDCDS4
421	0921020238	Nguyễn Cao	Huy	Nam	12/09/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.61	Khá	Chính quy	DCDCDS4
422	0921020420	Lê Thị Phương	Khanh	Nam	26/12/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	3.07	Khá	Chính quy	DCDCDS4
423	0921020252	Nguyễn	Kiên	Nam	03/05/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.62	Khá	Chính quy	DCDCDS4
424	0921020278	Lê Thị	Oanh	Nam	08/08/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	3.29	Giỏi	Chính quy	DCDCDS4
425	0921020283	Trần Hồng	Quân	Nam	20/04/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.69	Khá	Chính quy	DCDCDS4
426	0921020294	Mạc Văn	Thành	Nam	22/05/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.75	Khá	Chính quy	DCDCDS4
427	0921020126	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	23/03/90	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.60	Khá	Chính quy	DCDCDS4
428	0921020138	Bùi Văn	Toán	Nam	20/05/91	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.55	Khá	Chính quy	DCDCDS4
429	0921020333	Nguyễn Đình	Chung	Nam	16/04/89	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.78	Khá	Chính quy	DCDCNK54
430	0921020019	Nguyễn Thế	Cường	Nam	16/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.52	Khá	Chính quy	DCDCNK54
431	0821020016	Trần Văn	Cường	Nam	26/10/88	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.69	Khá	Chính quy	DCDCNK54
432	0921020020	Trần Quốc	Dân	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.61	Khá	Chính quy	DCDCNK54
433	0921020193	Lê Kim	Dung	Nam	26/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	3.43	Giỏi	Chính quy	DCDCNK54
434	0921020024	Ngô Văn	Duy	Nam	03/01/90	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
435	0921020025	Nguyễn Đoàn	Duy	Nam	22/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
436	0921020196	Trần Tuấn	Duy	Nam	04/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.28	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
437	0921020033	Trần Văn	Đại	Nam	20/08/90	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.50	Khá	Chính quy	DCDCNK54
438	0921020204	Ngô Thị	Đào	Nam	15/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	3.53	Giỏi	Chính quy	DCDCNK54
439	0821020031	Lương Văn	Đạo	Nam	01/04/90	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.16	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
440	0921020165	Nguyễn Sỹ	Hạ	Nam	05/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.89	Khá	Chính quy	DCDCNK54

102

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
441	0921020062	Đào Văn	Hoàng	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.66	Khá	Chính quy	DCCNK54
442	0921020245	Cao Văn	Hùng	Nam	24/02/90	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.87	Khá	Chính quy	DCCNK54
443	0921020241	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	01/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.72	Khá	Chính quy	DCCNK54
444	0921020243	Đỗ Ngọc	Huỳnh	Nam	18/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.42	Trung bình	Chính quy	DCCNK54
445	0921020168	Trần Đình	Khánh	Nam	14/12/90	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.46	Trung bình	Chính quy	DCCNK54
446	0921020261	Nguyễn Văn	Luân	Nam	30/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCNK54
447	0921020290	Mai Văn	Tâm	Nam	26/03/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.49	Trung bình	Chính quy	DCCNK54
448	0921020309	Trịnh Xuân	Toàn	Nam	02/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.55	Khá	Chính quy	DCCNK54
449	0921020321	Đỗ Xuân	Tùng	Nam	01/06/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.84	Khá	Chính quy	DCCNK54
450	0921020155	Phan Xuân	Vinh	Nam	07/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.40	Trung bình	Chính quy	DCCNK54
451	0921010398	Cao Tuấn	Anh	Nam	09/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.70	Khá	Chính quy	DCKDKC54
452	0921010221	Nguyễn Văn	Bách	Nam	02/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.92	Khá	Chính quy	DCKDKC54
453	0921010225	Lê Văn	Chiến	Nam	05/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.93	Khá	Chính quy	DCKDKC54
454	0921010264	Trần Quang	Hải	Nam	25/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.34	Trung bình	Chính quy	DCKDKC54
455	0921010051	Bùi Thị	Hạnh	Nam	11/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.65	Xuất sắc	Chính quy	DCKDKC54
456	0921010053	Lê Thị	Hằng	Nam	26/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.20	Khá	Chính quy	DCKDKC54
457	0921010060	Lê Thị	Hiền	Nam	28/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.60	Xuất sắc	Chính quy	DCKDKC54
458	0921010281	Bùi Quang	Huy	Nam	06/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.75	Khá	Chính quy	DCKDKC54
459	0921010085	Nguyễn Đức	Khuê	Nam	26/04/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.77	Khá	Chính quy	DCKDKC54
460	0921010296	Lưu Đình	Khương	Nam	17/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.96	Khá	Chính quy	DCKDKC54
461	0921020378	Đỗ Thị	Lành	Nam	08/10/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.21	Giỏi	Chính quy	DCKDKC54
462	0921010097	Nguyễn Thị Diệu	Ly	Nam	06/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.63	Xuất sắc	Chính quy	DCKDKC54
463	0921010313	Đặng Văn	Minh	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.11	Trung bình	Chính quy	DCKDKC54
464	0921020271	Trần Ngọc	Ngân	Nam	18/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.66	Khá	Chính quy	DCKDKC54
465	0921030224	Đoàn Thanh	Phương	Nam	17/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.73	Khá	Chính quy	DCKDKC54
466	0921010125	Chu Kim	Quy	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.98	Khá	Chính quy	DCKDKC54

1802

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
467	0921010339	Nguyễn Văn	Sinh	Nam	17/10/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.69	Khá	Chính quy	DCDKDC54
468	0921010340	Lê Thanh	Son	Nam	18/12/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.73	Khá	Chính quy	DCDKDC54
469	0921010130	Nguyễn Trung	Son	Nam	24/04/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.83	Khá	Chính quy	DCDKDC54
470	0920000170	Ngô Bá	Tám	Nam	27/08/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKDC54
471	0921010348	Nguyễn Minh	Tân	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKDC54
472	0921010143	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	16/08/90	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.60	Khá	Chính quy	DCDKDC54
473	0921010354	Nguyễn Trung	Thành	Nam	22/11/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKDC54
474	0920000042	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	07/09/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.89	Khá	Chính quy	DCDKDC54
475	0921010150	Trần Ngọc	Thịnh	Nam	25/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.82	Khá	Chính quy	DCDKDC54
476	0921010153	Nguyễn Văn	Thuần	Nam	15/09/89	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.98	Khá	Chính quy	DCDKDC54
477	0921030395	Lại Phú	Trung	Nam	24/05/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
478	0921010176	Đỗ Quang	Tùng	Nam	28/01/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKDC54
479	0921010184	Nguyễn Trọng	Vinh	Nam	08/07/91	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.12	Khá	Chính quy	DCDKDC54
480	0921030145	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nam	12/08/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.53	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
481	0921010227	Chu Văn	Chuồn	Nam	01/01/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.51	Khá	Chính quy	DCDKDV54
482	0921010231	Phạm Văn	Cương	Nam	15/08/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.33	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
483	0921010399	Trần Ngọc	Danh	Nam	15/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.24	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
484	0921010243	Lại Ngọc	Dũng	Nam	04/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.22	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
485	0921010240	Trần Thị	Duyên	Nam	18/07/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.32	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
486	0921010246	Phạm Duy	Đại	Nam	05/09/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.23	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
487	0921010402	Phạm Văn	Đồng	Nam	18/09/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.75	Khá	Chính quy	DCDKDV54
488	0921010263	Lê Thị Thu	Hằng	Nam	23/04/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.40	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
489	0921010059	Vũ Thị	Hiền	Nam	01/06/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.20	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
490	0921010267	Đỗ Trí	Hiệp	Nam	02/06/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.07	Khá	Chính quy	DCDKDV54
491	0921010058	Nguyễn Đức	Hiệp	Nam	25/09/90	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.68	Khá	Chính quy	DCDKDV54
492	0921010272	Nguyễn Quang	Hoan	Nam	09/08/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.75	Khá	Chính quy	DCDKDV54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
493	0921010073	Nguyễn Sỹ	Hùng	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.08	Khá	Chính quy	DCDKDV54
494	0921010283	Nguyễn Thị Phương	Huyền	Nam	18/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.00	Khá	Chính quy	DCDKDV54
495	0921010082	Đỗ Xuân	Khiêm	Nam	16/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.29	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
496	0921010294	Là Thị Tân	Khoa	Nam	02/07/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.04	Khá	Chính quy	DCDKDV54
497	0921010298	Hoàng Tùng	Lâm	Nam	04/09/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.71	Khá	Chính quy	DCDKDV54
498	0921020256	Nguyễn Thụy	Linh	Nam	06/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.40	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
499	0921010410	Trần Hoài	Nam	Nam	22/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.81	Khá	Chính quy	DCDKDV54
500	0921010333	Hoàng Minh	Quân	Nam	06/07/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.09	Khá	Chính quy	DCDKDV54
501	0921010334	Vũ Văn	Quân	Nam	10/03/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.59	Khá	Chính quy	DCDKDV54
502	0921010203	Nguyễn Hữu	Quyển	Nam	19/02/89	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.85	Khá	Chính quy	DCDKDV54
503	0921010001	Dương Văn	Sáu	Nam	09/09/88	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.60	Khá	Chính quy	DCDKDV54
504	0921020287	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	31/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.76	Khá	Chính quy	DCDKDV54
505	0921010133	Phạm Hồng	Sơn	Nam	15/05/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.13	Khá	Chính quy	DCDKDV54
506	0921010342	Phạm Ngọc	Sơn	Nam	09/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.83	Khá	Chính quy	DCDKDV54
507	0921030092	Nguyễn Minh	Tân	Nam	25/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.36	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
508	0921010154	Nguyễn Thị	Thuận	Nam	23/05/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.43	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
509	0921010156	Nguyễn Việt	Triển	Nam	01/08/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.84	Khá	Chính quy	DCDKDV54
510	0921010371	Đỗ Văn	Tiệp	Nam	16/11/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.76	Khá	Chính quy	DCDKDV54
511	0921010211	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nam	01/06/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.26	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
512	0921010389	Nguyễn Hoàng	Tùng	Nam	29/04/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.58	Khá	Chính quy	DCDKDV54
513	0921010393	Trần Thanh	Vinh	Nam	07/05/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.99	Khá	Chính quy	DCDKDV54
514	0921010177	Mai Văn	Cường	Nam	11/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.81	Khá	Chính quy	DCDKDV54
515	0921010400	Đặng Thị Thủy	Dung	Nam	10/06/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.30	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
516	0921010238	Phạm Văn	Duy	Nam	15/02/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.65	Khá	Chính quy	DCDKDV54
517	0921010248	Hà Minh	Diễm	Nam	15/05/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
518	0921010252	Ngô Khắc	Đỗ	Nam	08/10/90	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.67	Khá	Chính quy	DCDKDV54

11/2

STT	Mã sinh viên*	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
519	0921010251	Nguyễn Quý	Đôn	Nam	19/09/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.68	Khá	Chính quy	DCDKDV54
520	0921010261	Phạm Thị	Hào	Nam	15/10/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.38	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
521	0921010266	Ngô Huy	Hiển	Nam	13/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.67	Khá	Chính quy	DCDKDV54
522	0921010071	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	23/02/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.57	Khá	Chính quy	DCDKDV54
523	0921010290	Trần Văn	Hữu	Nam	07/03/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.16	Khá	Chính quy	DCDKDV54
524	0921010408	Nguyễn Đình	Kỳ	Nam	12/10/90	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.52	Khá	Chính quy	DCDKDV54
525	0921010299	Thần Đình	Lâm	Nam	29/02/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.57	Khá	Chính quy	DCDKDV54
526	0921010093	Phạm Văn	Long	Nam	28/04/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
527	0921010096	Nguyễn Thị	Lụa	Nam	05/05/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.47	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
528	0921010095	Hà Văn	Luật	Nam	26/02/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.04	Khá	Chính quy	DCDKDV54
529	0921010309	Lê Thị	Mai	Nam	04/04/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.25	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
530	0921010344	Trần Văn	Suốt	Nam	26/08/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.64	Khá	Chính quy	DCDKDV54
531	0921010205	Trần Văn	Thanh	Nam	20/03/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.68	Khá	Chính quy	DCDKDV54
532	0921010362	Bùi Thị	Thu	Nam	24/12/91	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.07	Khá	Chính quy	DCDKDV54
533	0921010372	Trương Văn	Toàn	Nam	18/09/90	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.87	Khá	Chính quy	DCDKDV54
534	0921010217	Trần Hoàng	Anh	Nam	27/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKKK54
535	0921010017	Nguyễn Hữu	Chung	Nam	13/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.76	Khá	Chính quy	DCDKKK54
536	0921010259	Đoàn Danh	Hải	Nam	21/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.53	Khá	Chính quy	DCDKKK54
537	0921010260	Nguyễn Hợp	Hải	Nam	20/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKKK54
538	0921010065	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	07/12/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.89	Khá	Chính quy	DCDKKK54
539	0921010084	Vũ Văn	Khoa	Nam	01/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKKK54
540	0921050119	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	26/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.85	Khá	Chính quy	DCDKKK54
541	0921010315	Trần Châu	Nam	Nam	04/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.70	Khá	Chính quy	DCDKKK54
542	0921010107	Trần Hợp	Nam	Nam	01/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.94	Khá	Chính quy	DCDKKK54
543	0921010329	Nguyễn Văn	Phú	Nam	12/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54
544	0921010331	Nguyễn Văn	Phượng	Nam	26/12/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.02	Khá	Chính quy	DCDKKK54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
545	0921060043	Lê Kiên	Quyết	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.59	Khá	Chính quy	DCDKKK54
546	0921010336	Nguyễn Hữu	Quyết	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.93	Khá	Chính quy	DCDKKK54
547	0921010347	Trương Văn	Tấn	Nam	12/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.74	Khá	Chính quy	DCDKKK54
548	0921010355	Hà Văn	Thảo	Nam	18/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKKK54
549	0921010144	Phạm Minh	Thảo	Nam	13/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.70	Khá	Chính quy	DCDKKK54
550	0921010175	Chu Văn	Tùng	Nam	24/12/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.31	Khá	Chính quy	DCDKKK54
551	0921010392	Hoàng Văn	Viên	Nam	16/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54
552	0920000149	Trần Đức	Vinh	Nam	29/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.67	Khá	Chính quy	DCDKKK54
553	0921010218	Lê Đức	Anh	Nam	23/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.34	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
554	0921010011	Trần Quang	Bách	Nam	13/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.04	Khá	Chính quy	DCDKKK54
555	0921010223	Nguyễn Văn	Bình	Nam	14/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.88	Khá	Chính quy	DCDKKK54
556	0921010016	Phạm Quang	Chính	Nam	21/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKK54
557	0921010019	Nguyễn Chi	Công	Nam	09/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.81	Khá	Chính quy	DCDKKK54
558	0921010021	Nguyễn Sĩ	Cương	Nam	23/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.44	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
559	0921010233	Nguyễn Viết	Cường	Nam	28/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.66	Khá	Chính quy	DCDKKK54
560	0921010031	Đàm Anh	Dũng	Nam	31/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.82	Khá	Chính quy	DCDKKK54
561	0921040378	Bùi Hoàng	Duy	Nam	26/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.61	Khá	Chính quy	DCDKKK54
562	0921010237	Lê Văn	Duy	Nam	10/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.70	Khá	Chính quy	DCDKKK54
563	0921010033	Hoàng Văn	Dương	Nam	28/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.17	Khá	Chính quy	DCDKKK54
564	0921030131	Phạm Quang	Dương	Nam	11/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.74	Khá	Chính quy	DCDKKK54
565	0921010247	Nguyễn Duy	Đạt	Nam	12/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKKK54
566	0921010038	Đào Văn	Điểm	Nam	22/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.98	Khá	Chính quy	DCDKKK54
567	0921010057	Ngô Văn	Hiệp	Nam	13/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.35	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
568	0921010268	Phạm Văn	Hiệp	Nam	02/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.80	Khá	Chính quy	DCDKKK54
569	0921010195	Võ Thế	Hoàng	Nam	25/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.90	Khá	Chính quy	DCDKKK54
570	0921010277	Trần Xuân	Hồng	Nam	25/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.93	Khá	Chính quy	DCDKKK54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
571	0921010067	Lương Viết	Hợp	Nam	30/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.10	Khá	Chính quy	DCDKKK54
572	0921010075	Đình Bá	Hùng	Nam	06/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.94	Khá	Chính quy	DCDKKK54
573	0921010076	Nguyễn Duy	Hùng	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKK54
574	0921010074	Nguyễn Thế	Hùng	Nam	03/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.18	Khá	Chính quy	DCDKKK54
575	0921010286	Trần Mạnh	Hùng	Nam	02/03/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.88	Khá	Chính quy	DCDKKK54
576	0921010092	Phan Thanh	Long	Nam	10/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.88	Khá	Chính quy	DCDKKK54
577	0921010101	Hồ Sỹ	Mạnh	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.87	Khá	Chính quy	DCDKKK54
578	0921010314	Vũ Văn	Múi	Nam	24/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.99	Khá	Chính quy	DCDKKK54
579	0921010326	Bùi Duy	Như	Nam	10/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.77	Khá	Chính quy	DCDKKK54
580	0921010201	Nguyễn Duy	Phi	Nam	23/11/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKK54
581	0921010119	Hoàng Ngọc	Phú	Nam	24/04/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.73	Khá	Chính quy	DCDKKK54
582	0921010120	Lê Hoàng	Phương	Nam	08/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.85	Khá	Chính quy	DCDKKK54
583	0921010124	Đỗ Đình	Quân	Nam	22/12/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.61	Khá	Chính quy	DCDKKK54
584	0921010126	Trần Xuân	Quý	Nam	24/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.34	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
585	0921010358	Trần Văn	Thế	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54
586	0921010359	Phạm Công	Thiệp	Nam	01/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.90	Khá	Chính quy	DCDKKK54
587	0921010374	Vũ Mạnh	Toán	Nam	29/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.53	Khá	Chính quy	DCDKKK54
588	0921010378	Nguyễn Duy	Trung	Nam	08/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.67	Xuất sắc	Chính quy	DCDKKK54
589	0921010167	Nguyễn Đăng	Trung	Nam	22/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.29	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
590	0921010174	Trần Ngọc	Tú	Nam	14/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.95	Khá	Chính quy	DCDKKK54
591	0921010385	Đặng Văn	Tùng	Nam	10/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.00	Khá	Chính quy	DCDKKK54
592	0921010387	Hoàng Văn	Tùng	Nam	08/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.30	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
593	0921020426	Ngô Vũ Xuân	Tùng	Nam	24/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.13	Khá	Chính quy	DCDKKK54
594	0921010183	Đỗ Đức	Vinh	Nam	25/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.26	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
595	0920000154	Vô Văn	Bảo	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.58	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
596	0920000101	Đinh Hoài	Bảo	Nam	05/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.59	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT

2020

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
597	0920000002	Nguyễn Phong	Biển	Nam	19/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.78	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
598	0920000004	Lê Văn	Chính	Nam	19/12/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.54	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
599	0920000104	Nguyễn Xuân	Chính	Nam	09/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
600	0920000105	Nguyễn Văn	Chương	Nam	22/03/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
601	0920000055	Trần Hùng	Cường	Nam	05/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.30	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
602	0920000155	Trần Đức	Dinh	Nam	15/05/89	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.95	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
603	0920000008	Phạm Xuân	Dũng	Nam	16/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
604	0920000007	Nguyễn Trọng	Duy	Nam	04/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.99	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
605	0920000009	Hoàng Sơn	Dương	Nam	31/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
606	0920000108	Nguyễn Mạnh	Dương	Nam	26/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.57	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
607	0920000057	Nguyễn Khánh	Dại	Nam	20/01/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
608	0920000157	Phan Ngọc	Đức	Nam	15/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
609	0920000011	Phạm Gia	Được	Nam	20/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.65	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
610	0920000114	Bùi Xuân	Hiệp	Nam	25/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
611	0920000015	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	06/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.48	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
612	0920000115	Trần Thế	Hiệp	Nam	28/01/88	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.59	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
613	0920000017	Nguyễn Đức	Hoan	Nam	13/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.98	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
614	0920000118	Cao Văn	Hội	Nam	25/08/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
615	0920000020	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	13/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
616	0920000120	Trần Mạnh	Hùng	Nam	31/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
617	0920000061	Võ Quang	Hùng	Nam	10/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.66	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
618	0920000119	Triệu Quang	Huyền	Nam	25/10/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.64	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
619	0920000060	Trần Quốc	Huỳnh	Nam	10/08/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
620	0920000161	Lê Quán	Hữu	Nam	11/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
621	0920000024	Lê Thị Bích	Liên	Nam	05/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.35	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
622	0920000162	Ngô Sỹ	Lợi	Nam	14/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.63	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
623	0920000027	Mai Công	Ly	Nam	11/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.18	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
624	0920000164	Bùi Hữu	Phước	Nam	10/12/88	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.28	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
625	0920000135	Lương Hào	Quang	Nam	18/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
626	0920000134	Nguyễn Văn	Quang	Nam	09/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.85	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
627	0920000036	Lương Đức	Quyển	Nam	29/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.94	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
628	0920000037	Nguyễn Văn	Quýnh	Nam	08/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.20	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
629	0920000065	Lê Hồng	Son	Nam	20/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.11	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
630	0920000139	Phạm Văn	Thành	Nam	26/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.81	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
631	0920000040	Đỗ Văn	Thắng	Nam	16/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
632	0920000140	Phạm Xuân	Thắng	Nam	13/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
633	0920000166	Trần ánh	Thế	Nam	23/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
634	0920000045	Phạm Quốc	Toan	Nam	15/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.48	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
635	0920000048	Hà Duy	Tùng	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.81	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
636	0920000068	Trần Văn	Vô	Nam	17/08/88	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.58	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
637	0920000069	Lê Ngọc	Vũ	Nam	17/11/	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.11	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
638	0921010214	Phạm Tuấn	Anh	Nam	04/11/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
639	0921010012	Phạm Thanh	Bình	Nam	05/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.61	Khá	Chính quy	DCDKKT54
640	0921010024	Nguyễn Văn	Danh	Nam	08/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.77	Khá	Chính quy	DCDKKT54
641	0921010235	Nguyễn Thị	Đinh	Nam	25/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.93	Khá	Chính quy	DCDKKT54
642	0921010025	Trương Văn	Doanh	Nam	15/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.93	Khá	Chính quy	DCDKKT54
643	0921010250	Trần Công	Đình	Nam	25/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.84	Khá	Chính quy	DCDKKT54
644	0921010255	Phạm Công	Đức	Nam	13/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
645	0921010064	Nguyễn Trọng	Hoàn	Nam	03/05/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.78	Khá	Chính quy	DCDKKT54
646	0921010288	Phạm Văn	Hưng	Nam	18/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.57	Khá	Chính quy	DCDKKT54
647	0921010293	Ngô Văn	Khích	Nam	02/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	3.26	Giỏi	Chính quy	DCDKKT54
648	0921010304	Đỗ Thành	Lợi	Nam	16/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.64	Khá	Chính quy	DCDKKT54

18/02

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
649	0921010312	Nguyễn Văn	Mâu	Nam	24/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.95	Khá	Chính quy	DCDKKT54
650	0921010104	Tạ Văn	Muội	Nam	05/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.92	Khá	Chính quy	DCDKKT54
651	0921010316	Đoàn Thanh	Nam	Nam	23/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.58	Khá	Chính quy	DCDKKT54
652	0921010109	Trần Chiến	Nghĩa	Nam	26/11/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKT54
653	0921010319	Trần Tuấn	Nghĩa	Nam	08/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.79	Khá	Chính quy	DCDKKT54
654	0921010108	Trần Văn	Nghiên	Nam	05/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.99	Khá	Chính quy	DCDKKT54
655	0921010111	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	Nam	09/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	3.12	Khá	Chính quy	DCDKKT54
656	0921010116	Bùi Văn	Ninh	Nam	12/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.65	Khá	Chính quy	DCDKKT54
657	0921010413	Nguyễn Cường	Quốc	Nam	19/03/89	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.67	Khá	Chính quy	DCDKKT54
658	0921010204	Đỗ Khánh	Son	Nam	07/02/90	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.96	Khá	Chính quy	DCDKKT54
659	0921010414	Nguyễn Trung	Son	Nam	11/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKT54
660	0921010346	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	06/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.54	Khá	Chính quy	DCDKKT54
661	0921010148	Hồ Lương	Thiên	Nam	15/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
662	0921010365	Dương Thị	Thủy	Nam	18/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.75	Khá	Chính quy	DCDKKT54
663	0921010160	Trịnh Xuân	Tiếp	Nam	10/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	3.03	Khá	Chính quy	DCDKKT54
664	0921010161	Hà Văn	Tinh	Nam	14/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.78	Khá	Chính quy	DCDKKT54
665	0921010373	Ngô Doãn	Toán	Nam	05/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
666	0921010187	Nguyễn Thị	Trang	Nam	02/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	3.21	Giỏi	Chính quy	DCDKKT54
667	0921010379	Đỗ Mạnh	Trương	Nam	16/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.74	Khá	Chính quy	DCDKKT54
668	0921010180	Phạm Văn	Tường	Nam	04/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	3.22	Giỏi	Chính quy	DCDKKT54
669	0921010395	Phạm Văn	Vũ	Nam	01/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò - Khảo sát	2.96	Khá	Chính quy	DCDKKT54
670	0921010230	Đào Chiến	Công	Nam	09/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoà dầu	2.60	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
671	0921010234	Phạm Văn	Cử	Nam	20/09/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoà dầu	2.68	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
672	0921010028	Nguyễn Văn	Duy	Nam	02/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoà dầu	2.77	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
673	0921010061	Cù Thị Thanh	Hoa	Nam	01/10/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoà dầu	3.09	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
674	0924010351	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	15/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoà dầu	3.14	Khá	Chính quy	DCDKLD54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
675	0921010079	Phan Văn	Hương	Nam	10/10/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.23	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
676	0921010112	Vì Thị	Nhâm	Nam	13/03/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.25	Giỏi	Chính quy	DCDKLD54A
677	0921010323	Nguyễn Kim	Nhân	Nam	24/03/89	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.74	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
678	0921010115	Hắc Thị	Nhung	Nam	06/09/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.12	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
679	0921010341	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	04/03/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.96	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
680	0921020399	Đồng Duy	Bình	Nam	13/06/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.60	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
681	0921040382	Đình Quốc	Cư	Nam	07/09/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.56	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
682	0921010271	Nguyễn Thị	Hiền	Nam	01/06/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.11	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
683	0921010275	Nguyễn Quốc	Hoàn	Nam	04/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.63	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
684	0921010297	Lê Thanh	Lam	Nam	20/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54B
685	0921020392	Nguyễn Thị	Nhung	Nam	30/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.67	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
686	0821020182	Nguyễn Việt	Phong	Nam	13/12/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.54	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
687	0921010332	Lê Văn	Quán	Nam	22/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.11	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
688	0921010343	Nguyễn Thanh	Son	Nam	07/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.13	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
689	0921010381	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	23/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.00	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
690	0921010220	Lê Tuấn	Anh	Nam	08/08/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.78	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
691	0921010005	Phan Thế	Anh	Nam	17/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.22	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
692	0821010218	Nguyễn Trọng	Bón	Nam	15/03/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.63	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
693	0921010015	Trịnh Đình	Chiến	Nam	12/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.86	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
694	0921010022	Trịnh Mai	Cường	Nam	03/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.51	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
695	0921010190	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	02/04/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.63	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
696	0921010241	Nguyễn Văn	Duyệt	Nam	10/10/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.03	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
697	0921010050	Đỗ Đình	Hào	Nam	06/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.61	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
698	0921010270	Lâm Thị	Hiền	Nam	25/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.81	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
699	0921010265	Lê Trọng	Hiếu	Nam	21/06/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.90	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
700	0921010274	Nguyễn Văn	Hoàn	Nam	08/08/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.71	Khá	Chính quy	DCDKLD54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
701	0921010279	Nguyễn Quang	Huy	Nam	08/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.32	Giỏi	Chính quy	DCDKLD54A
702	0921040217	Đoàn Văn	Khôi	Nam	21/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.64	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
703	0921010407	Trần	Kiểm	Nam	16/09/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
704	0921030326	Nguyễn Thanh	Lam	Nam	14/02/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.97	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
705	0921010090	Vũ Duy	Linh	Nam	23/08/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.36	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
706	0921050215	Đổng Gia	Lộc	Nam	10/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.23	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
707	0921010307	Nguyễn Văn	Lương	Nam	05/08/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.62	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
708	0921010200	Trần Văn	Nguyễn	Nam	15/09/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.07	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
709	0921010324	Đoàn Ngọc	Nhất	Nam	31/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.86	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
710	0921010123	Đình Quang	Quân	Nam	26/02/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.35	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
711	0921010415	Phạm Minh	Tâm	Nam	21/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.95	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
712	0921030139	Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	09/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
713	0921010140	Nguyễn Văn Kỳ	Thanh	Nam	19/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.82	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
714	0921010360	Lương Văn	Thiếu	Nam	11/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.78	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
715	0921010364	Vũ Đăng	Thuần	Nam	01/01/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.58	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
716	0921010157	Đỗ Mạnh	Tiến	Nam	26/09/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
717	0921010369	Trịnh Ngọc	Tiến	Nam	23/03/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.72	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
718	0921020434	Trần	Trung	Nam	19/08/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.50	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
719	0921010210	Trần Anh	Tuấn	Nam	05/03/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.76	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
720	0921010390	Phan Văn	Tươi	Nam	14/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.46	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
721	0924010390	Hoàng Mạnh	Tường	Nam	29/04/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.60	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
722	0921010394	Hoàng Văn	Vinh	Nam	08/10/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
723	0921010159	Phan Quang	Vũ	Nam	15/04/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.28	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
724	0921010186	Lê Thanh	Xuân	Nam	01/12/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.52	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
725	0921010013	Vũ Trọng	Cánh	Nam	05/02/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.55	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
726	0921010020	Lê Thị	Cúc	Nam	18/03/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.11	Khá	Chính quy	DCDKLD54B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
727	0921010023	Mai Văn	Cường	Nam	15/06/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.67	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
728	0921010032	Phạm Vũ	Dũng	Nam	28/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.92	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
729	0921010029	Ngô Văn	Duy	Nam	06/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.68	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
730	0921010403	Chu Đại	Giang	Nam	07/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.86	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
731	0921010048	Đào Thị Thanh	Hải	Nam	25/10/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.95	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
732	0921010269	Trần Hoàng	Hiệp	Nam	06/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.64	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
733	0921010069	Trần Ngọc	Huy	Nam	07/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.59	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
734	0921010289	Vương Duy	Hưng	Nam	06/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.61	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
735	0921010110	Lê Bảo	Ngọc	Nam	05/09/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.66	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
736	0921010113	Lê Anh	Nhất	Nam	26/10/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.08	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
737	0921010114	Lê Hán	Nhật	Nam	23/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.57	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
738	0921010412	Đinh Văn	Phong	Nam	10/06/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.52	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
739	0921010118	Nguyễn Tiến	Phú	Nam	01/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	3.03	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
740	0921010351	Đoàn Mạnh	Thành	Nam	31/05/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.46	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54B
741	0921060184	Nguyễn Công	Thắng	Nam	11/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.54	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
742	0921010366	Trịnh Thị Minh	Thư	Nam	03/09/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.96	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
743	0921010158	Đỗ Văn	Tiến	Nam	15/01/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.64	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
744	0921010159	Dương Duy	Tiếp	Nam	16/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54B
745	0921010168	Trịnh Văn	Trường	Nam	26/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.67	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
746	0921010382	Đoàn Anh	Tuấn	Nam	16/11/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.70	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
747	0921010383	Nguyễn Hữu	Tuấn	Nam	25/03/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.66	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
748	0921010421	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	27/08/90	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.74	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
749	0921010179	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam	23/02/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.83	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
750	0921010182	Nguyễn Vũ	Việt	Nam	08/07/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.66	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
751	0921010185	Đinh Xuân	Vũ	Nam	26/04/91	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.56	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
752	0921010002	Tô Văn	An	Nam	23/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKLTB54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
753	0921010008	Lê Công	Anh	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.88	Khá	Chính quy	DCDKTB54
754	0921010219	Lê Đình	Anh	Nam	29/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.44	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54
755	0921010215	Trần Văn	Anh	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.69	Khá	Chính quy	DCDKTB54
756	0921010010	Tiến Văn	Ba	Nam	02/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKTB54
757	0921020181	Đoàn Xuân	Bách	Nam	19/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.80	Khá	Chính quy	DCDKTB54
758	0921010224	Đình Hoàng	Cầm	Nam	19/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.96	Khá	Chính quy	DCDKTB54
759	0921010014	Đỗ Kim	Chi	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.97	Khá	Chính quy	DCDKTB54
760	0921010245	Phạm Xuân	Dương	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.02	Khá	Chính quy	DCDKTB54
761	0921010035	Trần Văn	Đán	Nam	06/09/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKTB54
762	0921010036	Đỗ Tuấn	Đạt	Nam	14/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.80	Khá	Chính quy	DCDKTB54
763	0921010039	Phạm Văn	Định	Nam	15/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.90	Khá	Chính quy	DCDKTB54
764	0921010401	Phan Văn	Định	Nam	07/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.74	Khá	Chính quy	DCDKTB54
765	0921010047	Nguyễn Khắc	Hải	Nam	10/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.66	Khá	Chính quy	DCDKTB54
766	0921010276	Nguyễn Đình	Hoàng	Nam	08/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKTB54
767	0921020233	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	27/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.16	Khá	Chính quy	DCDKTB54
768	0921010405	Thái Đức	Hoàng	Nam	19/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.83	Khá	Chính quy	DCDKTB54
769	0921010282	Nguyễn Hiếu	Huy	Nam	02/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.58	Khá	Chính quy	DCDKTB54
770	0751010240	Đỗ Mạnh	Khương	Nam	07/01/88	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54
771	0921010197	Nguyễn Văn	Kính	Nam	17/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54
772	0921010088	Nguyễn Chi	Lâm	Nam	24/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.63	Khá	Chính quy	DCDKTB54
773	0921010091	Nguyễn Thị	Loan	Nam	26/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.01	Khá	Chính quy	DCDKTB54
774	0921010302	Đỗ Đức	Long	Nam	04/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKTB54
775	0921010303	Lâm Hữu	Long	Nam	05/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.84	Khá	Chính quy	DCDKTB54
776	0921010305	Vũ Thành	Luân	Nam	29/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKTB54
777	0921010306	Đặng Thị	Luyến	Nam	10/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.88	Khá	Chính quy	DCDKTB54
778	0921010308	Đỗ Khánh	Ly	Nam	17/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.02	Khá	Chính quy	DCDKTB54

10/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
779	0921010311	Phạm Văn	Mạnh	Nam	10/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.81	Khá	Chính quy	DCDKTB54
780	0821010069	Nguyễn Văn	Nam	Nam	10/02/89	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.56	Khá	Chính quy	DCDKTB54
781	0921010322	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	Nam	30/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.64	Khá	Chính quy	DCDKTB54
782	0921010122	Trần Văn	Quân	Nam	12/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.02	Khá	Chính quy	DCDKTB54
783	0921010127	Nguyễn Quốc	Quý	Nam	02/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.96	Khá	Chính quy	DCDKTB54
784	0921010129	Bùi Văn	Soạn	Nam	21/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.79	Khá	Chính quy	DCDKTB54
785	0921010132	Nguyễn Văn	Son	Nam	10/07/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.79	Khá	Chính quy	DCDKTB54
786	0921010138	Trịnh Công	Tân	Nam	04/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.65	Khá	Chính quy	DCDKTB54
787	0921010164	Lê Đình	Tôn	Nam	09/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.63	Khá	Chính quy	DCDKTB54
788	0921010169	Trần Văn	Trường	Nam	02/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.73	Khá	Chính quy	DCDKTB54
789	0921010380	Lê Xuân	Tuân	Nam	20/11/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.66	Khá	Chính quy	DCDKTB54
790	0921010386	Đào Duy	Tùng	Nam	13/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.70	Khá	Chính quy	DCDKTB54
791	0921010396	Hoàng Công	Vũ	Nam	26/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.53	Khá	Chính quy	DCDKTB54
792	0920000054	Nguyễn Đình	Anh	Nam	24/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.54	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
793	0920000001	Trần Văn	Bá	Nam	06/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
794	0920000003	Đoàn	Cầm	Nam	08/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
795	09200000171	Diệp Minh	Cường	Nam	18/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.05	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
796	09200000106	Lê Trọng	Cường	Nam	04/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.64	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
797	09200000107	Vũ Quốc	Dũng	Nam	26/01/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
798	09200000010	Vũ Văn	Đan	Nam	22/01/87	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.48	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
799	09200000110	La Văn	Đồng	Nam	05/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.71	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
800	09200000111	Bùi Hương	Giang	Nam	04/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.22	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54VT
801	09200000013	Vũ Đức	Hà	Nam	10/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.40	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
802	09200000012	Vương Thị	Hà	Nam	03/02/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.01	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
803	09200000058	Dương Văn	Hải	Nam	04/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.67	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
804	09200000113	Vô Hồng	Hải	Nam	11/09/89	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.98	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT

18/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
805	0920000158	Trần Văn	Hiếu	Nam	23/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.82	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
806	0920000117	Lê Văn	Hoàng	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.13	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
807	0920000059	Trịnh Anh	Hoàng	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
808	0920000018	Trương Văn	Hoàng	Nam	27/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
809	0920000021	Nguyễn Như	Hùng	Nam	03/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.80	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
810	0920000019	Lê Gia	Huy	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.02	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
811	0920000159	Nguyễn Văn	Huyền	Nam	15/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.65	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
812	0920000116	Mịch Thị	Huyền	Nam	26/03/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.25	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54VT
813	0920000121	Nguyễn Thu	Hùng	Nam	18/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.18	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
814	0920000122	Nguyễn Trọng	Kiểm	Nam	24/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.50	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
815	0920000023	Phạm Thị Mai	Lam	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.05	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
816	0920000123	Nguyễn Thị	Lệ	Nam	20/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.17	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
817	0920000125	Lê Văn	Linh	Nam	25/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
818	0920000026	Trần Văn	Long	Nam	17/10/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.69	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
819	0920000127	Lưu Văn	Mân	Nam	20/11/89	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.58	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
820	0920000163	Trần Xuân	Nam	Nam	07/05/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
821	0920000128	Trịnh Thị	Ngân	Nam	13/10/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.49	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54VT
822	0920000029	Trần Anh	Nghĩa	Nam	25/12/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.50	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
823	0920000030	Lê Văn	Nhân	Nam	03/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.44	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
824	0920000064	Dương Văn	Nhật	Nam	15/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.96	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
825	0920000130	Trần Huy	Nhiệm	Nam	21/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.77	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
826	0920000031	Nguyễn Đức	Ninh	Nam	01/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.93	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
827	0920000032	Trần Văn	Phú	Nam	10/04/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
828	0920000033	Trần Thị	Phương	Nam	26/09/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.34	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54VT
829	0920000034	Trịnh Văn	Phương	Nam	01/10/90	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.46	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
830	0920000070	Đổng Nguyễn	Quý	Nam	13/09/89	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
831	0920000137	Vũ Hồng	Son	Nam	06/06/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.16	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
832	0920000038	Nguyễn Trọng	Tâm	Nam	31/01/92	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
833	0920000138	Bùi Ngọc	Tân	Nam	13/08/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.30	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54VT
834	0920000165	Nguyễn Danh	Thanh	Nam	10/02/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.94	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
835	0920000152	Nguyễn Chiến	Thắng	Nam	02/03/91	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.76	Khá	Chính quy	DCDKTB54VT
836	1024010011	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	23/10/92	Kế toán	Kế toán	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
837	1024010053	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	26/11/92	Kế toán	Kế toán	3.10	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
838	1021050237	Đoàn Thị Thu	Hà	Nữ	18/05/92	Kế toán	Kế toán	3.66	Xuất sắc	Chính quy	DCKTKT_55A
839	1024010114	Diễm Thị	Hoa	Nữ	22/12/92	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
840	1024010124	Bùi Thị Bích	Hoàn	Nữ	20/03/92	Kế toán	Kế toán	2.84	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
841	1021050047	Trần Thị	Hưng	Nữ	25/12/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
842	1021020520	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	20/08/92	Kế toán	Kế toán	3.31	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
843	1024010193	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	26/09/92	Kế toán	Kế toán	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
844	1024010194	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	03/12/92	Kế toán	Kế toán	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
845	1024010257	Hoàng Thị	Nụ	Nữ	21/12/92	Kế toán	Kế toán	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
846	1024010274	Vũ Thị Kim	Phượng	Nữ	28/07/92	Kế toán	Kế toán	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
847	1024010622	Nguyễn Thị Hồng	Thái	Nữ	18/09/92	Kế toán	Kế toán	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
848	1024010315	Lại Thị	Thêu	Nữ	12/04/92	Kế toán	Kế toán	2.51	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
849	1024010322	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	20/04/92	Kế toán	Kế toán	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
850	1024010333	Cao Thị Thu	Thủy	Nữ	19/09/92	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
851	1024010007	Mai Thị Hồng	Anh	Nữ	04/10/92	Kế toán	Kế toán	3.26	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
852	1021020025	Đinh Ngọc	Chi	Nữ	22/03/92	Kế toán	Kế toán	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
853	1024010043	Hoàng Thị	Dung	Nữ	01/09/92	Kế toán	Kế toán	3.59	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
854	1024010521	Vũ Thị Thu	Hà	Nữ	30/11/92	Kế toán	Kế toán	3.52	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
855	1021040093	Nguyễn Thế	Hải	Nam	17/04/92	Kế toán	Kế toán	2.52	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
856	1024010094	Hồ Thị	Hằng	Nữ	19/05/92	Kế toán	Kế toán	3.02	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
857	1021030517	Nguyễn Thu	Hồng	Nữ	28/04/92	Kế toán	Kế toán	2.90	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
858	1024010162	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/02/92	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
859	1024010354	Nguyễn Thị	Toàn	Nữ	16/01/92	Kế toán	Kế toán	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
860	1024010603	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	21/01/92	Kế toán	Kế toán	3.12	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
861	1021041057	Phạm Thị	Tươi	Nữ	19/09/92	Kế toán	Kế toán	3.20	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
862	1024010001	Bùi Phương	Anh	Nữ	01/03/93	Kế toán	Kế toán	3.14	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
863	1024010020	Bùi Thị Ngọc	Bích	Nữ	01/10/92	Kế toán	Kế toán	3.27	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
864	1024010044	Khổng Thị	Dung	Nữ	23/04/92	Kế toán	Kế toán	3.16	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
865	1024010051	Tăng Bá	Duy	Nam	22/01/92	Kế toán	Kế toán	2.52	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
866	1024010058	Trịnh Thị Thủy	Dương	Nữ	15/08/92	Kế toán	Kế toán	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
867	1024010088	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	04/07/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
868	1024010609	Lê Thị	Hào	Nữ	24/05/92	Kế toán	Kế toán	3.41	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
869	1024010092	Đoàn Thị Thu	Hằng	Nữ	25/05/92	Kế toán	Kế toán	2.45	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55C
870	1024010102	Lê Thu	Hiền	Nữ	25/06/92	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
871	1024010136	Phạm Thị	Huê	Nữ	16/06/92	Kế toán	Kế toán	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
872	1024010635	Dương Thị	Huê	Nữ	10/04/91	Kế toán	Kế toán	3.04	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
873	1024010151	Đoàn Thị	Huyền	Nữ	02/08/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
874	1024010163	Bùi Thị	Hương	Nữ	10/08/92	Kế toán	Kế toán	2.78	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
875	1024010178	Trần Thị	Lan	Nữ	17/12/92	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
876	1024010528	Phạm Thị	Luyến	Nữ	06/02/92	Kế toán	Kế toán	3.56	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
877	1024010223	Đào Thị	Mỹ	Nữ	14/09/92	Kế toán	Kế toán	2.83	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
878	1024010241	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	01/03/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
879	1024010553	Phạm Thị	Nhung	Nữ	24/06/92	Kế toán	Kế toán	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
880	1024010281	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	07/04/91	Kế toán	Kế toán	3.09	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
881	1024010319	Phạm Thị	Thoa	Nữ	16/12/92	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
882	1024010324	Đào Thị	Thu	Nữ	16/12/92	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C

21/02/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
883	1024010341	Đinh Thị	Thúy	Nữ	17/10/92	Kế toán	Kế toán	3.36	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
884	1024010394	Lại Thị	Vân	Nữ	07/02/92	Kế toán	Kế toán	3.34	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
885	1024010407	Bùi Thị Hải	Yến	Nữ	02/02/92	Kế toán	Kế toán	2.78	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
886	1024010414	Phan Thị Hải	Yến	Nữ	03/09/92	Kế toán	Kế toán	2.73	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
887	1024010031	Hồ Thị	Cúc	Nữ	31/08/92	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
888	1024010048	Vũ Thị	Dung	Nữ	15/03/91	Kế toán	Kế toán	3.28	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
889	1024010055	Phạm Thị Hồng	Duyên	Nữ	13/10/92	Kế toán	Kế toán	3.53	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
890	1024010074	Đinh Thị Thu	Hà	Nữ	27/09/92	Kế toán	Kế toán	3.30	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
891	1024010611	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	30/09/92	Kế toán	Kế toán	3.48	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
892	1024010140	Nguyễn Thị	Huê	Nữ	25/11/92	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
893	1024010154	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	11/01/91	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
894	1024010211	Vũ Thị Hồng	Lý	Nữ	17/06/92	Kế toán	Kế toán	3.26	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
895	1024010627	Hoàng Thị	Mãng	Nữ	28/02/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
896	1024010252	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	07/10/92	Kế toán	Kế toán	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
897	1024010321	Lương Thị	Thơ	Nữ	20/12/92	Kế toán	Kế toán	3.15	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
898	1024010617	Phạm Thị Thu	Thúy	Nữ	20/04/92	Kế toán	Kế toán	3.13	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
899	1024010346	Trần Thị	Thúy	Nữ	25/03/92	Kế toán	Kế toán	3.25	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
900	1024010330	Lại Thị	Tĩnh	Nữ	05/01/92	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
901	1024010391	Nguyễn Thị	Uyển	Nữ	03/04/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
902	1024010400	Nguyễn Thị Hoài	Vy	Nữ	20/03/92	Kế toán	Kế toán	3.12	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
903	1024010002	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	28/02/92	Kế toán	Kế toán	3.25	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
904	1021050331	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	13/01/92	Kế toán	Kế toán	3.38	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
905	1024010527	Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	26/12/91	Kế toán	Kế toán	3.60	Xuất sắc	Chính quy	DCKTKT_55A
906	1021050301	Trần Thị Huyền	Anh	Nữ	11/05/92	Kế toán	Kế toán	3.60	Xuất sắc	Chính quy	DCKTKT_55A
907	1024010038	Nguyễn Thị Bích	Diệp	Nữ	11/10/92	Kế toán	Kế toán	3.02	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
908	1024010045	Lâm Thị Thu	Dung	Nữ	03/02/92	Kế toán	Kế toán	2.79	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A

202

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Nếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
909	1021041010	Phạm Thị	Dung	Nữ	28/02/92	Kế toán	Kế toán	3.28	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
910	1024010560	Đoàn Thị	Duyên	Nữ	09/10/92	Kế toán	Kế toán	2.49	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55A
911	1024010066	Hà Thị Hương	Giang	Nữ	14/09/92	Kế toán	Kế toán	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
912	1024010071	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	04/09/92	Kế toán	Kế toán	2.51	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
913	1024010076	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	22/10/92	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
914	1024010096	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	04/04/91	Kế toán	Kế toán	3.04	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
915	1024010097	Tạ Thị	Hằng	Nữ	05/06/92	Kế toán	Kế toán	3.25	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
916	1021041020	Lương Thị	Hiền	Nữ	01/04/92	Kế toán	Kế toán	2.82	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
917	1024010650	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03/11/92	Kế toán	Kế toán	3.46	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
918	1024010138	Vũ Thị	Huê	Nữ	24/04/91	Kế toán	Kế toán	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
919	1024010152	Lê Thị	Huyền	Nữ	20/03/92	Kế toán	Kế toán	3.37	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
920	1024010613	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	08/07/92	Kế toán	Kế toán	3.15	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
921	1024010542	Phạm Thị	Hương	Nữ	17/04/92	Kế toán	Kế toán	3.37	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
922	1021050243	Trần Thu	Hương	Nữ	23/07/92	Kế toán	Kế toán	2.99	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
923	1024010176	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Nữ	23/09/92	Kế toán	Kế toán	2.79	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
924	1024010183	Lê Thị	Liên	Nữ	23/10/92	Kế toán	Kế toán	3.15	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
925	1024010644	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	28/09/92	Kế toán	Kế toán	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
926	1021020427	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	25/12/90	Kế toán	Kế toán	2.63	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
927	1024010552	Lê Thị	Linh	Nữ	02/06/92	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
928	1024010564	Vũ Thị	Mai	Nữ	25/11/92	Kế toán	Kế toán	3.43	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
929	0920000234	Đoàn Diệu	My	Nữ	09/07/91	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
930	1024010640	Phạm Thị	Ngân	Nữ	13/07/92	Kế toán	Kế toán	3.16	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
931	1024010235	Phạm Thanh	Ngọc	Nữ	24/06/92	Kế toán	Kế toán	3.08	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
932	1024010237	Trương Yến	Ngọc	Nữ	09/03/92	Kế toán	Kế toán	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
933	1024010244	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	26/07/92	Kế toán	Kế toán	2.50	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
934	1024010614	Vũ Thị	Nhung	Nữ	27/10/92	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A

11/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
935	1024010262	Đinh Thị Cao	Phúc	Nữ	15/10/91	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
936	1024010642	Nguyễn Mai	Phuong	Nữ	06/08/91	Kế toán	Kế toán	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
937	1024010271	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	21/05/92	Kế toán	Kế toán	3.09	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
938	1024010279	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	26/06/92	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
939	1024010285	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	25/05/92	Kế toán	Kế toán	3.21	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
940	1024010550	Phạm Thị	Sáu	Nữ	22/05/92	Kế toán	Kế toán	2.84	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
941	1024010306	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	21/11/92	Kế toán	Kế toán	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
942	1024010532	Hà Thị Thu	Thuy	Nữ	27/03/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
943	1024010342	Đỗ Văn Kiều	Thủy	Nữ	23/10/92	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
944	1021030207	Hoàng Thị Huyền	Trang	Nữ	17/05/92	Kế toán	Kế toán	3.23	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
945	1024010385	Phạm Thanh	Tuyết	Nữ	28/12/91	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
946	1024010604	Nguyễn Thị	Vui	Nữ	23/03/92	Kế toán	Kế toán	2.95	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
947	1024010405	Lê Thị Bích	Yên	Nữ	27/01/92	Kế toán	Kế toán	3.43	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
948	1021050287	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	08/10/91	Kế toán	Kế toán	3.20	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
949	1024010411	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	15/12/92	Kế toán	Kế toán	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
950	1024010522	Trần Thị Bích	Yến	Nữ	25/12/92	Kế toán	Kế toán	3.24	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
951	1021020007	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	21/08/92	Kế toán	Kế toán	2.76	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
952	1024010638	Nguyễn Ngọc	Bắc	Nam	26/06/91	Kế toán	Kế toán	2.71	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
953	1024010023	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	06/12/92	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
954	1024010034	Tống Việt	Cường	Nam	22/05/92	Kế toán	Kế toán	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
955	1024010524	Trần Ngọc	Dung	Nữ	01/10/92	Kế toán	Kế toán	3.33	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
956	1024010073	Đặng Thị	Hà	Nữ	15/11/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
957	1024010561	Đỗ Thị Thanh	Hà	Nữ	24/10/92	Kế toán	Kế toán	3.30	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
958	1024010081	Trần Thị	Hà	Nữ	17/02/92	Kế toán	Kế toán	3.13	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
959	1024010093	Hà Thu	Hằng	Nữ	21/09/92	Kế toán	Kế toán	2.68	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
960	1024010107	Trần Thị	Hiền	Nữ	22/11/92	Kế toán	Kế toán	2.74	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
961	1024010537	Vũ Thị	Hiếu	Nữ	25/03/91	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
962	1024010115	Lê Thị Tố	Hoa	Nữ	04/06/92	Kế toán	Kế toán	2.66	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
963	1024010523	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	07/09/92	Kế toán	Kế toán	3.42	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
964	1021040611	Đỗ Đình	Hoan	Nam	04/10/92	Kế toán	Kế toán	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
965	1021020110	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	11/08/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
966	1024010134	Ngô Thị	Huế	Nữ	01/04/92	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
967	1024010147	Nguyễn Đức	Huy	Nam	16/03/92	Kế toán	Kế toán	2.69	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
968	1021050248	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	28/10/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
969	1024010157	Phan Thị	Huyền	Nữ	13/10/92	Kế toán	Kế toán	3.13	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
970	1024010546	Châu Thị Thiên	Hương	Nữ	03/02/92	Kế toán	Kế toán	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
971	1024010168	Phạm Thị	Hương	Nữ	16/07/92	Kế toán	Kế toán	3.21	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
972	1024010547	Phạm Thị	Luyến	Nữ	06/02/92	Kế toán	Kế toán	3.23	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
973	1024010204	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	19/07/92	Kế toán	Kế toán	2.99	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
974	1024010645	Trần Thị	Lý	Nữ	26/09/92	Kế toán	Kế toán	3.27	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
975	1021041031	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/01/92	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
976	1024010232	Đỗ Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/06/92	Kế toán	Kế toán	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
977	1021060262	Ngô Hồng	Nhung	Nam	08/02/92	Kế toán	Kế toán	2.71	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
978	1024010254	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/11/92	Kế toán	Kế toán	2.75	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
979	1024010258	Nguyễn Thị	Nụ	Nữ	28/04/92	Kế toán	Kế toán	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
980	1024010554	Lý Thị	Phương	Nữ	14/07/92	Kế toán	Kế toán	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
981	1024010270	Nguyễn Minh	Phượng	Nữ	20/11/92	Kế toán	Kế toán	2.75	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
982	1024010605	Thái Thị Ngọc	Quỳ	Nữ	05/02/92	Kế toán	Kế toán	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
983	1024010643	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	04/08/92	Kế toán	Kế toán	2.84	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
984	1024010283	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	28/12/92	Kế toán	Kế toán	3.26	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
985	1024010294	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	16/05/92	Kế toán	Kế toán	2.92	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
986	1024010302	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	22/11/92	Kế toán	Kế toán	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
987	1021050303	Lưu Phương	Thảo	Nữ	14/05/92	Kế toán	Kế toán	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
988	1024010629	Nguyễn Thị	Thảo	Nam	12/02/92	Kế toán	Kế toán	3.32	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
989	1024010309	Phạm Thị	Thắm	Nữ	27/07/92	Kế toán	Kế toán	3.33	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
990	1024010314	Bùi Thị	Thêu	Nữ	26/06/92	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
991	1024010327	Nguyễn Thị Hà	Thu	Nữ	16/09/92	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
992	1024010343	Lê Thị Ngọc	Thủy	Nữ	25/11/92	Kế toán	Kế toán	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
993	1021040572	Đinh Thủy	Trang	Nữ	06/07/92	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
994	1024010359	Lê Thị	Trang	Nữ	29/08/92	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
995	1024010369	Vì Thị Hà	Trang	Nữ	29/06/91	Kế toán	Kế toán	2.55	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
996	1024010374	Hồ Thị Cẩm	Tú	Nữ	24/10/92	Kế toán	Kế toán	3.16	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
997	1024010409	Ngô Thị	Yến	Nữ	27/11/92	Kế toán	Kế toán	3.15	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
998	1024010412	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	28/09/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
999	1021040457	Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	04/12/92	Kế toán	Kế toán	3.28	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1000	1024010005	Hoàng Tô Lan	Anh	Nữ	01/09/92	Kế toán	Kế toán	2.69	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1001	1024010013	Trần Phương	Anh	Nữ	07/05/92	Kế toán	Kế toán	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1002	1024010046	Lê Phương	Dung	Nữ	05/04/92	Kế toán	Kế toán	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1003	1024010067	Lê Thị	Giang	Nữ	27/11/92	Kế toán	Kế toán	3.38	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1004	1024010072	Đào Thị Thúy	Hà	Nữ	01/05/92	Kế toán	Kế toán	3.23	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1005	1024010082	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	22/08/92	Kế toán	Kế toán	2.85	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1006	1024010084	Nguyễn Quốc	Hải	Nam	17/05/92	Kế toán	Kế toán	2.54	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1007	1024010111	Phí Đức	Hiệp	Nam	04/11/92	Kế toán	Kế toán	3.18	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1008	1024010120	Đinh Thị	Hòa	Nữ	25/11/92	Kế toán	Kế toán	3.24	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1009	1024010150	Bùi Thị Thu	Huyền	Nữ	17/05/92	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1010	1024010551	Mai Thị	Hương	Nữ	27/06/92	Kế toán	Kế toán	3.50	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1011	1024010166	Phạm Thị	Hương	Nữ	01/11/92	Kế toán	Kế toán	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1012	1024010207	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	10/11/91	Kế toán	Kế toán	2.50	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C

18/2

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1013	1024010216	Vũ Thị Thu	Mến	Nữ	27/10/92	Kế toán	Kế toán	3.08	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1014	1024010229	Trần Thị	Nga	Nữ	24/07/92	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1015	1024010233	Ngô Thị	Ngọc	Nữ	28/11/92	Kế toán	Kế toán	2.84	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1016	1024010251	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26/09/92	Kế toán	Kế toán	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1017	1024010264	Dương Thị Mai	Phượng	Nữ	01/03/92	Kế toán	Kế toán	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1018	1024010565	Lê Thị	Phượng	Nữ	13/12/92	Kế toán	Kế toán	3.33	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1019	1024010273	Vũ Kim	Phượng	Nữ	08/02/92	Kế toán	Kế toán	3.38	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1020	1024010646	Đặng Thị	Quỳnh	Nữ	15/09/91	Kế toán	Kế toán	3.31	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1021	1024010308	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	21/09/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1022	1024010311	Phạm Thị	Thắm	Nữ	31/07/92	Kế toán	Kế toán	3.33	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1023	1024010334	Dương Thị Thanh	Thuy	Nữ	24/03/92	Kế toán	Kế toán	2.82	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1024	1024010357	Đoàn Thị	Trang	Nữ	03/05/92	Kế toán	Kế toán	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1025	1024010633	Trần Huyền	Trang	Nữ	07/02/91	Kế toán	Kế toán	3.12	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1026	1024010557	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	23/08/92	Kế toán	Kế toán	3.31	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1027	1024010383	Nguyễn ánh	Tuyết	Nữ	01/08/91	Kế toán	Kế toán	3.20	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
1028	1024010386	Đoàn Văn	Tư	Nam	18/03/92	Kế toán	Kế toán	2.64	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1029	1024010398	Vũ Thị	Vinh	Nữ	10/10/92	Kế toán	Kế toán	2.85	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1030	1021050311	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	01/09/92	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
1031	1024010006	Lê Văn	Anh	Nam	24/07/92	Kế toán	Kế toán	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1032	1024010017	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	08/05/92	Kế toán	Kế toán	3.22	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1033	1024010559	Đinh Thị	Dung	Nữ	19/10/92	Kế toán	Kế toán	3.35	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1034	1024010624	Nghiêm Thị Hồng	Gấm	Nữ	30/01/91	Kế toán	Kế toán	3.04	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1035	1024010095	Lê Thị	Hằng	Nữ	22/08/92	Kế toán	Kế toán	3.26	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1036	1024010099	Nguyễn Thị	Hán	Nữ	28/08/92	Kế toán	Kế toán	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1037	1024010101	Đoàn Thu	Hiền	Nữ	01/09/92	Kế toán	Kế toán	3.12	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1038	1024010123	Quách Ngọc	Hoài	Nữ	27/10/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1039	1024010541	Hồ Thị	Hoan	Nữ	11/10/92	Kế toán	Kế toán	2.82	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1040	1024010128	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	10/12/92	Kế toán	Kế toán	3.27	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1041	1021050044	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	16/10/92	Kế toán	Kế toán	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1042	1024010169	Trịnh Thị	Hương	Nữ	04/02/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1043	1024010177	Trần Thị	Lan	Nữ	15/11/92	Kế toán	Kế toán	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1044	1024010180	Lưu Thị ái	Lâm	Nữ	15/12/92	Kế toán	Kế toán	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1045	1024010189	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	05/09/92	Kế toán	Kế toán	3.14	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1046	1024010203	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	24/11/92	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1047	1024010218	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	01/07/91	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1048	1024010224	Quách Thị	Na	Nữ	11/05/92	Kế toán	Kế toán	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1049	1021020530	Tô Thị Hương	Ngát	Nữ	31/07/92	Kế toán	Kế toán	2.46	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55D
1050	1024010242	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	24/11/91	Kế toán	Kế toán	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1051	1024010245	Phạm Thị	Nhà	Nữ	14/03/92	Kế toán	Kế toán	3.14	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1052	1024010536	Đặng Thị	Nhài	Nữ	17/08/92	Kế toán	Kế toán	3.13	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1053	1024010272	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	23/04/92	Kế toán	Kế toán	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1054	1024010637	Vũ Thị	Soi	Nữ	28/04/92	Kế toán	Kế toán	3.71	Xuất sắc	Chính quy	DCKTKT_55D
1055	1024010313	Đoàn Mạnh	Thắng	Nam	30/10/92	Kế toán	Kế toán	2.60	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1056	1024010531	Nguyễn Thị	Thêu	Nữ	08/09/92	Kế toán	Kế toán	3.04	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1057	1024010601	Bùi Thị Minh	Thơ	Nữ	03/10/92	Kế toán	Kế toán	3.43	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1058	1024010325	Hoàng Thị	Thu	Nữ	27/11/92	Kế toán	Kế toán	3.40	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1059	1024010647	Vũ Thị Thu	Thủy	Nữ	13/10/92	Kế toán	Kế toán	2.79	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1060	1024010340	Vũ Thị Thu	Thuy	Nữ	22/12/92	Kế toán	Kế toán	3.11	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1061	1024010606	Phan Diệu	Thủy	Nữ	30/04/91	Kế toán	Kế toán	3.44	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
1062	1024010360	Ngô Thùy	Trang	Nữ	02/02/92	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1063	1024010368	Trần Thị	Trang	Nữ	17/02/90	Kế toán	Kế toán	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1064	1024010413	Phạm Thị	Yến	Nữ	10/02/92	Kế toán	Kế toán	3.35	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1065	1024010415	Trình Thị	Yến	Nữ	15/11/92	Kế toán		2.54	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
1066	1024010029	Vũ Thu	Chuyên	Nữ	18/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.99	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1067	1024010037	Vũ Thị	Diễn	Nữ	27/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.86	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1068	1024010106	Phùng Thị	Hiển	Nữ	01/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1069	1024010108	Lê Văn	Hiển	Nam	29/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.66	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1070	1024010540	Pồ Văn	Hiếu	Nam	26/07/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.82	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1071	1024010126	Tạ Thị	Hoạt	Nữ	11/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1072	1024010135	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	20/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.73	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1073	1024010184	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/11/90	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1074	1024010187	Dương Thị	Linh	Nữ	01/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.87	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1075	1024010208	Trần Thị	Ly	Nữ	21/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1076	1024010214	Vũ Thị Xuân	Mai	Nữ	12/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.54	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1077	1024010231	Nguyễn Thị	Ngoan	Nữ	07/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.60	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1078	1024010246	Phạm Thị	Nhàn	Nữ	17/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.19	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1079	1021041034	Phạm Thị	Nhung	Nữ	29/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.92	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1080	1024010293	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	15/11/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.15	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55A
1081	1024010316	Trịnh Thị	Thêu	Nữ	07/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.82	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1082	1024010648	Đỗ Thị	Trang	Nữ	17/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1083	1024010382	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	15/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1084	1024010397	Trần Thị	Việt	Nữ	06/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.83	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1085	1024010018	Nguyễn Triền	Bắc	Nam	25/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1086	1024010030	Dương Thị	Cúc	Nữ	12/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.17	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1087	1024010078	Nguyễn Thị Hai	Hà	Nữ	26/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1088	1024010105	Phạm Thị	Hiển	Nữ	21/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.37	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55B
1089	1024010137	Trần Thị	Huế	Nữ	13/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.61	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1090	1024010141	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	13/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKD55B

STT	Mã sinh viên*	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1091	1024010149	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	13/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.16	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1092	1024010173	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	16/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.78	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1093	1024010182	Vũ Thị	Lệ	Nữ	04/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.85	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1094	1024010206	Đỗ Thị Hồng	Ly	Nữ	05/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.40	Trung bình	Chính quy	ĐCKTKD55B
1095	1024010240	Hoàng Thị	Nguyệt	Nữ	11/08/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.79	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1096	1024010247	Lê Thị	Nhâm	Nữ	01/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.45	Trung bình	Chính quy	ĐCKTKD55B
1097	1024010255	Nguyễn Thị Tú	Ninh	Nữ	27/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.15	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1098	1024010286	Đỗ Lê	Son	Nam	24/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.50	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1099	1024010300	Phạm Công	Thành	Nam	19/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.19	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1100	1024010305	Mai Thị	Thào	Nữ	12/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.23	Giỏi	Chính quy	ĐCKTKD55B
1101	1024010317	Nguyễn Văn	Thinh	Nam	01/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.81	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1102	1024010363	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	28/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.31	Giỏi	Chính quy	ĐCKTKD55B
1103	1024010373	Trần Xuân	Trưởng	Nam	10/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55B
1104	1024010004	Hoàng Hà	Anh	Nữ	23/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.78	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1105	1024010416	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	28/04/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.32	Trung bình	Chính quy	ĐCKTKD55C
1106	1024010040	Trần Thị Huệ	Dinh	Nữ	24/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.05	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1107	1024010083	Lê Thị	Hải	Nữ	01/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.86	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1108	1024010119	Trần Thị Ngọc	Hoa	Nữ	23/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.05	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1109	1024010143	Trịnh Thị	Huệ	Nữ	05/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.19	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1110	1024010156	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.38	Giỏi	Chính quy	ĐCKTKD55C
1111	1024010192	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nữ	29/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.65	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1112	1024010234	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	09/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.56	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1113	1024010249	Vũ Thị Hồng	Nhâm	Nữ	19/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.79	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1114	1024010256	Vũ Hải	Ninh	Nam	21/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.35	Trung bình	Chính quy	ĐCKTKD55C
1115	1024010267	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	27/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.94	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C
1116	1024010277	Ngô Thị	Quê	Nữ	06/10/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.64	Khá	Chính quy	ĐCKTKD55C

10/2

STT	MA sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1117	1024010278	Phạm Khánh	Quý	Nam	08/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.85	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1118	1024010291	Đậu Văn	Tâm	Nam	22/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.68	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1119	1024010529	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	19/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.30	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55C
1120	1024010566	Hoàng Thị	Thắm	Nam	01/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.65	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1121	1024010344	Ngô Hồng	Thúy	Nữ	20/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.78	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1122	1024010348	Trần Thị Huyền	Thương	Nữ	14/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.22	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1123	1024010634	Trần Đức	Tiến	Nam	22/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.53	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1124	1024010353	Nguyễn Thị Hồng	Toan	Nữ	20/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.15	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1125	1024010381	Đoàn Thị	Tuyền	Nữ	25/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.28	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55C
1126	1024010401	Hoàng Thị	Xím	Nữ	10/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1127	1024010022	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	30/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1128	1024010042	Dương Thị	Dung	Nữ	10/01/93	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1129	1024010056	Vũ Thị	Duyên	Nữ	25/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.38	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1130	1024010116	Nghiêm Thị	Hoa	Nữ	21/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.10	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1131	1024010636	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	30/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.33	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1132	1024010179	Triệu Thị	Lành	Nữ	10/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1133	1024010230	Phạm Thị	Ngà	Nữ	12/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.26	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1134	1024010238	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	27/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1135	1024010250	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	06/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1136	1024010310	Phạm Thị	Thắm	Nữ	20/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.39	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1137	1024010320	Trần Thị	Thoa	Nữ	23/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.00	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1138	1024010331	Phạm Thị	Thuy	Nữ	29/06/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.63	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1139	1024010339	Nguyễn Thị	Thuy	Nữ	04/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.62	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1140	1024010349	Vũ Trường	Thương	Nam	01/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.80	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1141	1024010375	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.44	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1142	1024010549	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	27/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.02	Khá	Chính quy	DCKTKD55D

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1143	1024010396	Phạm Thị	Vân	Nữ	24/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.04	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1144	1024010404	Vũ Thị	Xuyến	Nữ	15/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1145	1024010016	Vũ Duy Phan	Anh	Nam	22/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1146	1024010047	Trương Thị Thùy	Dung	Nữ	20/10/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1147	1024010155	Ninh Thị	Huyền	Nữ	28/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1148	1024010181	Đỗ Thị Thu	Lê	Nữ	27/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.34	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55A
1149	1021050072	Dương Thị	Nhung	Nữ	08/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1150	1024010307	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	02/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.99	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1151	1024010630	Lê Thị	Thuy	Nữ	01/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.10	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1152	1024010548	Nguyễn Thị	Tiếp	Nữ	15/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.37	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1153	1024010356	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	21/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.21	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55A
1154	1024010025	Phạm Thị	Chang	Nữ	11/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.65	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1155	1024010039	Tạ Thị Bích	Diệp	Nữ	04/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.50	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1156	1024010121	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	09/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.52	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55B
1157	1024010159	Lê Thị Lan	Hương	Nữ	13/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1158	1024010010	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	08/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.79	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1159	1024010026	Nguyễn Bảo	Châu	Nam	08/07/90	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.65	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1160	1024010196	Bùi Thị	Loan	Nữ	10/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.86	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1161	1024010205	Đào Ngọc	Ly	Nữ	08/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.69	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1162	1024010290	Phạm Ngọc	Tạo	Nam	24/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.53	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1163	1024010395	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	13/08/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.39	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55C
1164	1024010012	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	04/02/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.25	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
1165	1024010014	Trần Thị Minh	Anh	Nữ	01/05/93	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.38	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1166	1024010104	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	07/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.72	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1167	1024010112	Bùi Hữu	Hiếu	Nam	28/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.34	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
1168	1024010142	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	10/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.30	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1169	1024010612	Vũ Thị	Huyền	Nữ	13/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.35	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55D
1170	1024010268	Nguyễn Thị	Phuong	Nữ	24/05/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	3.82	Xuất sắc	Chính quy	DCKTKD55D
1171	1024010616	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	17/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.85	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1172	1024010370	Vũ Thị Thúy	Trang	Nữ	10/12/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
1173	1024010024	Phạm Văn	Cánh	Nam	21/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.52	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1174	1024010064	Nguyễn Bá	Đức	Nam	29/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.50	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1175	1024010086	Trần Thị	Hạnh	Nữ	24/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.18	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1176	1024010610	Vương Thị	Hằng	Nữ	12/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.16	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1177	1024010122	Hoàng Thị	Hòa	Nữ	01/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1178	1024010148	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	20/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1179	1024010172	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	10/06/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.78	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1180	1024010260	Đỗ Văn	Phong	Nam	14/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1181	1024010323	Trần Thị	Thom	Nữ	15/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.55	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1182	1024010332	Phạm Thị	Thùy	Nữ	12/07/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1183	1024010345	Nguyễn Thị Hồng	Thùy	Nữ	01/04/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1184	1024010366	Phạm Thị	Trang	Nữ	08/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.85	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1185	1024010402	Hoàng Thị	Xuyến	Nữ	20/03/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.78	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
1186	1024010009	Ngô Thị Phương	Anh	Nữ	19/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.70	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1187	1024010049	Nguyễn Tiến	Đùng	Nam	19/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.64	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1188	1024010145	Tạ Quang	Hùng	Nam	05/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.38	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55B
1189	1024010282	Hà Thị	Quỳnh	Nữ	10/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.32	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55B
1190	1024010326	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	02/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.60	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1191	1024010364	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	08/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
1192	1024010393	Đào Thị Hồng	Vân	Nữ	01/01/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	3.40	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55B
1193	1024010068	Nguyễn Đình	Giang	Nam	20/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.75	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
1194	1024010125	Nguyễn Thanh	Hoàn	Nữ	29/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mỏ	2.56	Khá	Chính quy	DCKTKD55C

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1195	1024010525	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	29/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.99	Khá	Chính quy	DKTKD55C
1196	1024010158	Vũ Xuân	Hùng	Nam	29/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.93	Khá	Chính quy	DKTKD55C
1197	1024010165	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	10/09/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	3.12	Khá	Chính quy	DKTKD55C
1198	1024010174	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	29/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.88	Khá	Chính quy	DKTKD55C
1199	1024010215	Lê Xuân	Mão	Nam	04/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.33	Trung bình	Chính quy	DKTKD55C
1200	1024010330	Vương Thị Kim	Thu	Nữ	16/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	3.67	Xuất sắc	Chính quy	DKTKD55C
1201	1024010406	Trịnh Thị	Yên	Nữ	30/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.98	Khá	Chính quy	DKTKD55C
1202	1024010170	Đặng Văn	Khiêm	Nam	03/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.59	Khá	Chính quy	DKTKD55D
1203	1024010202	Phan Tấn	Luận	Nam	12/06/91	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.47	Trung bình	Chính quy	DKTKD55D
1204	1024010210	Phạm Thị	Lý	Nữ	10/06/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	3.03	Khá	Chính quy	DKTKD55D
1205	1024010562	Vũ Thị Tuyết	Mai	Nữ	21/10/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	3.54	Giỏi	Chính quy	DKTKD55D
1206	1024010259	Lê Thị	Óanh	Nữ	16/01/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.74	Khá	Chính quy	DKTKD55D
1207	1024010284	Vì Thị	Quỳnh	Nữ	09/11/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	2.56	Khá	Chính quy	DKTKD55D
1208	1024010408	Đỗ Thị Ngân	Yến	Nữ	09/05/92	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Mô	3.18	Khá	Chính quy	DKTKD55D
1209	0921040372	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	09/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.59	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1210	0921040158	Ngô Tuấn	Anh	Nam	06/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.55	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1211	0921040425	Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	10/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.95	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1212	0921040143	Thái Khắc	Cường	Nam	22/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.84	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1213	0921040306	Đổng Văn	Duy	Nam	26/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.32	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1214	0921040183	Nguyễn Văn	Dương	Nam	03/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.73	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1215	0921040181	Trần Văn	Dương	Nam	17/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.50	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1216	0921040042	Vũ Đức	Hạnh	Nam	14/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.05	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1217	0921040310	Nguyễn Đạt	Hùng	Nam	17/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.65	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1218	0921040312	Nguyễn Văn	Khiêm	Nam	28/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.47	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1219	0921040067	Phan Văn	Kiên	Nam	03/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.61	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1220	0921040148	Trần Nhật	Linh	Nam	20/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1221	0921040345	Trần Nguyễn	Luân	Nam	10/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.79	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1222	0921060201	Ngô Văn	Ngọc	Nam	18/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.28	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1223	0921040087	Phạm Tây	Ninh	Nam	04/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.56	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1224	0921040089	Nguyễn Giang	Phong	Nam	06/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.83	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1225	0921040353	Bùi Công	Phú	Nam	22/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.43	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1226	0921040094	Nguyễn Bá	Quang	Nam	22/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.63	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1227	0921040348	Bùi Ngọc	Quân	Nam	28/10/89	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1228	0921040416	Đỗ Minh	Tân	Nam	23/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1229	0921040107	Trần Xuân	Thạch	Nam	01/03/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.58	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1230	0921040104	Mai Huy	Thành	Nam	23/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.91	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1231	0921040319	Mai Xuân	Thành	Nam	30/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.74	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1232	0921040434	Nguyễn Thế	Thiện	Nam	27/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.36	Giỏi	Chính quy	DCMOKT54A
1233	0924010118	Nguyễn Đức	Thuần	Nam	25/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1234	0921040126	Tạ Văn	Trương	Nam	20/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.33	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1235	0921040287	Đỗ Văn	Tùng	Nam	08/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.85	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1236	0921040139	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	16/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.13	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1237	0921040290	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	16/04/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.43	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1238	0921040161	Nguyễn Văn	Ân	Nam	22/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1239	0921040379	Phạm Văn	Chiến	Nam	23/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1240	0921040314	Đỗ Văn	Chính	Nam	20/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.83	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1241	0921040295	Đào Văn	Cường	Nam	21/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.69	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1242	0920000261	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	14/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1243	0921040030	Phạm Tiến	Dương	Nam	20/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.96	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1244	0921040339	Nguyễn Hữu	Đạo	Nam	10/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.50	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1245	0921040190	Nguyễn Đức	Độ	Nam	30/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.88	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1246	0921040061	Trần Văn	Khang	Nam	17/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.06	Khá	Chính quy	DCMOKT54B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1247	0920000224	Trần Đăng	Khoa	Nam	08/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.71	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1248	0921040066	Đoàn Trung	Kiên	Nam	16/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.62	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1249	0921040070	Nguyễn Phương	Linh	Nam	10/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.79	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1250	0921040069	Nguyễn Văn	Linh	Nam	19/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.72	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1251	0921040226	Nguyễn Văn	Luyện	Nam	05/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.37	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1252	0921040364	Mạc Văn	Lực	Nam	03/06/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.33	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1253	0921040077	Lê Đức	Mạnh	Nam	12/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1254	0921040084	Phạm Thành	Nguyễn	Nam	05/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.69	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1255	0921040239	Bùi Văn	Pha	Nam	26/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.94	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1256	0921040243	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	29/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1257	0921040367	Nguyễn Đình	Quý	Nam	25/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.81	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1258	0921040101	Lê Ngọc	Tài	Nam	12/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.15	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1259	0921040321	Lê Văn	Thái	Nam	07/10/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.66	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1260	0921040105	Phan Văn	Thành	Nam	01/06/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.80	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1261	0921040108	Dương Văn	Thắng	Nam	08/08/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.49	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1262	0921040358	Phạm Hữu	Thắng	Nam	22/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.94	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1263	0921040269	Vũ Mạnh	Toàn	Nam	15/05/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.43	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1264	0921040284	Phạm Thanh	Tùng	Nam	07/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.37	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1265	0921040012	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	07/02/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.29	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1266	0921040014	Lê Duy	ánh	Nam	12/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.01	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1267	0921050249	Lê Đình	Ba	Nam	01/08/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.76	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1268	0921040017	Phạm Quốc	Chiến	Nam	10/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.58	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1269	0921040392	Hoàng Thanh	Chinh	Nam	07/08/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.76	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1270	0921040018	Nguyễn Văn	Chung	Nam	03/08/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1271	0921040022	Nguyễn Đình	Cường	Nam	10/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.55	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1272	0921040026	Tô Đức	Đũng	Nam	08/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.78	Khá	Chính quy	DCMOKT54C

12/12

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1273	0921040031	Nguyễn Văn	Dương	Nam	07/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.72	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1274	0921040036	Bùi Duy	Đạt	Nam	28/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.56	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1275	0921040197	Lê Văn	Hiệp	Nam	25/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.60	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1276	0921040329	Bùi Huy	Hoàng	Nam	09/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.61	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1277	0921040200	Hà Đình	Hoàng	Nam	19/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.22	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1278	0921040201	Nguyễn Văn	Hoạt	Nam	08/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.35	Giỏi	Chính quy	DCMOKT54C
1279	0921040059	Vũ Văn	Hương	Nam	15/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1280	0921040062	Nguyễn Quang	Khanh	Nam	04/11/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.58	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1281	0921040409	Nguyễn Văn	Linh	Nam	06/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.84	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1282	0921040224	Đào Văn	Long	Nam	19/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.45	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1283	0921040230	Nguyễn Duy	Minh	Nam	05/04/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.37	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1284	0921040086	Nguyễn Bá	Ninh	Nam	25/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1285	0921040098	Trần Văn	Quyển	Nam	20/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.65	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1286	0921040100	Phan Văn	Son	Nam	12/08/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.36	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1287	0921040102	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	26/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.81	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1288	0921040258	Nguyễn Văn	Thạch	Nam	14/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.50	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1289	0921040255	Đỗ Văn	Thánh	Nam	12/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.88	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1290	0921040264	Tổng Trường	Thọ	Nam	26/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.56	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1291	0921040282	Đỗ Đình	Tuấn	Nam	14/10/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.44	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1292	0921040135	Phạm Hbu	Tùng	Nam	16/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.63	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1293	0921040138	Bùi Tuấn	Vinh	Nam	11/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.65	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1294	0920000202	Bùi Tuấn	Anh	Nam	04/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1295	0920000205	Lê Đức	Anh	Nam	11/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1296	0920000203	Phạm Tuấn	Anh	Nam	07/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.31	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1297	0920000207	Ngô Xuân	Bình	Nam	28/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.42	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1298	0920000208	Phạm Bá	Công	Nam	20/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.30	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1299	0920000209	Đặng Tiến	Cường	Nam	05/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	3.07	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1300	0920000210	Vũ Đình	Diện	Nam	28/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.79	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1301	0920000211	Đỗ Công	Doanh	Nam	02/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.24	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1302	0920000212	Nguyễn Văn	Duy	Nam	30/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1303	0920000214	Đoàn Hoàng Hữu	Đạt	Nam	01/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.26	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1304	0920000219	Vũ Trung	Hiếu	Nam	06/01/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.45	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1305	0920000222	Nguyễn Văn	Huy	Nam	09/05/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.55	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1306	0920000227	Nguyễn Đức	Lầy	Nam	24/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.31	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1307	0920000229	Lê Mạnh	Linh	Nam	08/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1308	0920000230	Nguyễn Kiên	Lượng	Nam	14/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1309	0920000232	Trương Tấn	Mạnh	Nam	20/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1310	0920000235	Nguyễn Phương	Nam	Nam	15/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1311	0920000238	Bùi Công	Nguyễn	Nam	30/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.86	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1312	0920000239	Phạm Đức	Nguyễn	Nam	10/07/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.49	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1313	0920000241	Trương Hà	Phong	Nam	11/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.69	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1314	0920000244	Trần Ngọc	Thành	Nam	01/09/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1315	0920000247	Trần Văn	Trưởng	Nam	16/07/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.62	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1316	0920000249	Hà Văn	Trưởng	Nam	19/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ hầm lò	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1317	0921060006	Lê Xuân	Bách	Nam	20/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1318	0921040015	Hoàng Công	Biên	Nam	06/03/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1319	0921040410	Nguyễn Hữu	Chát	Nam	01/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1320	0921040318	Vũ Văn	Cường	Nam	02/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1321	0921040025	Đặng Minh	Dũng	Nam	03/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.47	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1322	0921040038	Nguyễn Văn	Đình	Nam	25/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.69	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1323	0921040212	Phạm Văn	Khang	Nam	27/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	3.44	Giỏi	Chính quy	DCMOKT54A
1324	0921040214	Đặng Đình	Khánh	Nam	02/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mỏ Lộ thiên	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54A

20/2